

3	Phòng Huấn luyện Thể thao thành tích cao	1	4	14	
4	Phòng Tổ chức thi đấu và Khai thác dịch vụ	1	3	12	2
5	Phòng Điều hành Khu liên hợp Thể thao	1	2	7	5
	Tổng cộng:	5	17	41	25

(3) Thành lập Nhà hát nghệ thuật Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Đoàn Ca múa nhạc dân tộc thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước và Nhà hát nghệ thuật Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng mở tại Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV và Ngân hàng để giao dịch theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở chính: 13/3, Khu phố 3, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

+ Cơ sở 2: Địa chỉ Số 624, Quốc lộ 14 phường Bình Phước và Nhà tập luyện tại đường Trường Chinh, phường Bình Phước tỉnh Đồng Nai

+ Cơ sở 3: Địa chỉ Tổ 6, Khu phố 3, đường Phạm Văn Khoai, phường Tam Hiệp tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng, nhiệm vụ

+ Chức năng: Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật và giải trí của nhân dân; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua hoạt động nghệ thuật biểu diễn; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và phục vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ liên quan biểu diễn nghệ thuật, bảo tồn và phát triển nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ chính trị; quảng bá văn hóa nghệ thuật và các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức bộ máy	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 161/111	
1	Ban Giám đốc	1	5			
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1	1	5		
3	Đoàn Nghệ thuật Truyền thống - Dân tộc	1	1	18		
4	Đoàn Nghệ thuật đương đại	1	1	21		
	Tổng cộng (101)	4	8	44	45	

(4) Thành lập Thư viện tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Thư viện tỉnh Bình Phước thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước và Thư viện tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Thư viện tỉnh Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai. Có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Văn hoá Cơ sở Gia đình và Thư viện, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Trụ sở làm việc của Trung tâm: 01, Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai (trong khuôn viên Quảng trường tỉnh).

- Chức năng: Xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin phù hợp với đặc điểm, yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật về thư viện và cấp có thẩm quyền và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao theo quy định pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HD 161/111
1	Ban Giám đốc	1	3		
2	Phòng Hành chính Tổng hợp	1	1	4	6
3	Phòng Xử lý Thông tin và Tin học	1	1	9	
4	Phòng Phục vụ	1	1	8	
Tổng cộng (37)		4	6	21	6

(5) Thành lập Bảo tàng tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Bảo tàng tỉnh Bình Phước thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước và Bảo tàng tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Bảo tàng tỉnh Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Bảo tàng Đồng Nai là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Cục Di sản văn hóa. Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Phòng giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm: Số 01 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng nhiệm vụ:

+ Chức năng: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và giáo dục truyền thông thông qua việc triển khai đề tài khoa học các cấp, các chương trình, dự án, đề án khác theo kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; sưu tầm hiện vật; kiểm kê, tư liệu hoá và quản lý hiện vật; trưng bày; truyền thông, diễn giải và giáo dục di sản văn hoá.

+ Nhiệm vụ: Tổ chức trưng bày, triển lãm các sưu tập, hiện vật và hình ảnh tư liệu về lịch sử, văn hóa, danh nhân, tự nhiên và xã hội có giá trị tiêu biểu ở địa phương nhằm giáo dục truyền thống, nâng cao lòng tự hào dân tộc và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc tỉnh. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao hoặc của cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức bộ máy	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111
1	Ban Giám đốc	1	4		
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1	2	9	32
3	Phòng Nghiệp vụ Bảo tàng	1	1	7	
4	Phòng Nghiệp vụ Bảo tồn	1	2	9	
5	Phòng Quản lý và Khai thác Di tích	1	2	12	
6	Phòng Giáo dục - Truyền thông	1	1	7	
Tổng cộng		6	12	44	32

(6) Chuyển giao nguyên trạng Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Đồng Nai về trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới)

- Tên gọi: Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai; sự quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai. Trường trung cấp công lập (đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước cấp kinh phí)

- Trụ sở làm việc của Trung tâm: 2065, Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng nhiệm vụ:

+ Chức năng: Tổ chức đào tạo nghề trình độ trung cấp đối với các chuyên ngành: Quản lý văn hóa, thể thao và du lịch; nghệ thuật biểu diễn; tổ chức biểu diễn. Liên kết đào tạo nghề trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học. Thực hiện nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo nghề nghiệp, bảo tồn và khai thác di sản văn hóa tỉnh Đồng Nai và khu vực.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và thông tin; góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; cung cấp cán bộ chuyên môn cho các đơn vị nghệ thuật, cơ quan văn hóa, giáo dục và truyền thông địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao hoặc của cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị: Gồm Ban Giám hiệu, 02 phòng, 01 khoa, cụ thể:

Stt	Tổ chức bộ máy	Tổng số người	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 161/111
1	Ban Giám hiệu	03	1	2		
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	04	1	1	2	1
3	Phòng Đào tạo	06	1	1	4	
4	Khoa Nghệ thuật biểu diễn	20	1	1	18	
	Tổng cộng		4	5	24	01

(7) Chuyển giao nguyên trạng Trường Phổ thông Năng khiếu thể thao tỉnh Đồng Nai về trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới)

- Tên gọi: Trường Phổ thông Năng khiếu thể thao tỉnh Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao Đồng Nai là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao cho học sinh và giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phát hiện, tuyển chọn và tổ chức đào tạo năng khiếu thể thao, đào tạo vận động viên thể thao trẻ, bổ sung cho các đội tuyển thể thao tỉnh Đồng Nai, đội tuyển trẻ quốc gia và đội tuyển quốc gia. Huấn luyện, bồi dưỡng vận động viên năng khiếu, trẻ của tỉnh tham dự các giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế. Tổ chức giảng dạy văn hóa phổ thông từ lớp 6 đến lớp 12. Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao Đồng Nai có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, trụ sở theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm: số 5, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng nhiệm vụ: Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các môn văn hóa cho từng cấp học, lớp học và kế hoạch đào tạo, huấn luyện cho từng môn năng khiếu TDTT khoa học, phù hợp, đảm bảo hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông và phát triển tài năng thể thao của học sinh. Xây dựng kế hoạch, phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh trình Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Chương trình học tập các môn văn hóa của trường phổ thông năng khiếu TDTT thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có kế hoạch tập huấn, thi đấu các giải thể thao phù hợp lứa tuổi nhằm đánh giá quá trình đào tạo, huấn luyện và mức độ phát triển tài năng thể thao của học sinh. Thực hiện, kiểm tra, đánh giá, xếp loại vận động viên, học sinh theo kế hoạch năm học được duyệt, xét đề nghị chuyển lên tuyển trên những vận động viên đạt thành tích tốt về chuyên môn và đạo đức, đồng thời cho chuyển những vận động viên không còn đạt yêu cầu, không có khả năng phát triển thành tích thể thao và những lý do khác trở về địa phương hoặc chuyển đến học tại các trường phổ thông khác theo quy định của pháp luật. Hàng năm nhà trường tổ chức tuyển bổ sung sau khi kết thúc học kỳ I và sau khi kết thúc học kỳ II khi còn chỉ tiêu. Có kế hoạch tập huấn, thi đấu các giải thể thao phù hợp lứa tuổi

nhằm đánh giá quá trình đào tạo, huấn luyện và mức độ phát triển tài năng thể thao của học sinh. Xây dựng kế hoạch tham dự các giải thể thao cấp khu vực và toàn quốc; cử các vận động viên tham dự các giải thể thao quốc tế, Đông Nam Á, Châu Á và thế giới khi có thông báo triệu tập và chấp thuận của cấp có thẩm quyền. Quản lý huấn luyện viên, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Trường được phát triển các chương trình hợp tác quốc tế phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện công tác đối ngoại, giao lưu, hợp tác, liên kết, tài trợ thuộc lĩnh vực quản lý và đào tạo của nhà trường ở phạm vi ngành, trong nước và quốc tế; đề xuất và thực hiện đi tham quan, nghiên cứu, học tập trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực đào tạo chuyên môn thể thao cho viên chức, giáo viên, huấn luyện viên của trường theo quy định pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị: Gồm Ban Giám hiệu, 03 phòng, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 161/111	
1	Ban Giám hiệu	01	02			
2	Phòng Hành chính Quản trị	01	01	04	04	
3	Phòng Đào tạo Thể thao và Quản lý học sinh	01	02	15		
4	Phòng Văn hóa Phổ thông	01	01	03		
Tổng số		04	06	22	04	

(8) Chuyển giao nguyên trạng Nhà Xuất bản tỉnh Đồng Nai về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới)

- Tên gọi: Nhà Xuất bản tỉnh Đồng Nai

- Vị trí pháp lý: Nhà xuất bản Đồng Nai là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính, thực hiện chức năng xuất bản các xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh. Nhà xuất bản Đồng Nai có tên giao dịch Quốc tế bằng tiếng Anh là: Dongnai Publishing House. Nhà xuất bản Đồng Nai có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để giao dịch theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc của Trung tâm: số 1953J, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng nhiệm vụ: Nhà xuất bản Đồng Nai xuất bản và phát hành các loại sách về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, giới thiệu những di sản văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới, sách cho thiếu nhi và nhi đồng bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt

Nam, tiếng nước ngoài và được thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh v.v... trên các vật liệu, phương tiện kỹ thuật khác nhau; Xuất bản và phát hành các loại văn hoá phẩm bao gồm: Các loại lịch Bloc, lịch tờ (01 và nhiều tờ), lịch để bàn, lịch sổ tay, lịch túi, các loại tranh, ảnh nghệ thuật và các loại văn hoá phẩm khác theo qui định của Nhà nước. Thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Nhà xuất bản Đồng Nai và xuất bản phẩm theo giấy phép thành lập. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản và tổ chức thực hiện kế hoạch xuất bản sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức thực hiện hoạt động xuất bản và chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản, trước pháp luật về xuất bản phẩm và nội dung hoạt động của Nhà xuất bản theo quy định của pháp luật. Xây dựng và quản lý bộ máy tổ chức, nhân sự, cộng tác viên của Nhà xuất bản; thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và chính sách cán bộ của Nhà xuất bản. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất bản; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản cho đội ngũ cán bộ thuộc Nhà xuất bản.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị: Gồm Ban Giám đốc và 03 phòng, ban cụ thể:

Stt	Tổ chức bộ máy	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 161/111	
1	Ban Giám đốc	1	1			
2	Phòng Tổ chức Hành chính	1		4	4	
3	Phòng Kinh doanh - Phát Hành		1	5		
4	Ban Biên tập	1	0	5		
	Tổng cộng(19)	3	2	14		

(9) Đối với Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai: Thực hiện sáp nhập với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh; Sở Công Thương; Sở Tài chính; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp thành Trung tâm xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

8.3.5. Trụ sở

- Cơ quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai có trụ sở tại: Số 2, Nguyễn Văn Trị, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai. UBND tỉnh đã chấp thuận cho sửa chữa tầng 6 (cơ quan Sở Nội vụ cũ) để bổ sung thêm phòng làm việc.

- Về trụ sở làm việc và quản lý, khai thác tại tỉnh Đồng Nai: Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao: 3 cơ sở; Bảo tàng: 2 cơ sở; Thư viện: 1 cơ sở; Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật: 02 cơ sở; Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai: 03 cơ sở; Trung tâm Văn hóa Điện ảnh: 03 cơ sở; Trường phổ thông Năng khiếu Thể thao: 01 cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện đang trên phần diện tích đất thuộc chủ quyền sử dụng của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao.

- Về trụ sở làm việc tại tỉnh Bình Phước:

+ Trung tâm Văn hoá tỉnh: Đường Hồ Xuân Hương, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh: Số 839, Quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh: Số 624, Quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh: Hiện đang sử dụng nhà làm việc trong khuôn viên trụ sở của Trung tâm Văn hóa tỉnh. Địa chỉ: Đường Hồ Xuân Hương, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

8.4. Phương án xử lý về nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai

a) Phương án xử lý về nhân sự

- Đối với Lãnh đạo Sở: Chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Đối với Lãnh đạo Trung tâm, cấp trưởng, cấp phó các phòng nghiệp vụ thuộc Trung tâm; cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn thuộc Sở: Theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp nhất và quyết định nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (sau hợp nhất), Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, kiện toàn, bố trí theo Phương án, số lượng dự kiến đã được 02 đơn vị thông qua và có thể cao hơn quy định, nhưng phải xây dựng phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày HĐND tỉnh có Nghị quyết.

- Về dự kiến giải quyết chế độ, chính sách: Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của công chức, viên chức, người lao động chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp trong trường hợp vẫn là công chức, viên chức tại cơ quan trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này thực hiện chế độ chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định pháp luật (Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025).

Trường hợp công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, đơn vị thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành. Về dự kiến giải quyết chế độ, chính sách: Dự kiến 19 công chức nghỉ theo chế độ nghỉ hưu trước tuổi; 40 viên chức nghỉ thôi việc theo ND 178/2024/NĐ-CP, ND 67/2025/NĐ-CP và ND số 154/2025/NĐ-CP.

b) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, đất đai

- Sau khi hợp nhất, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai (mới) kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước bao gồm quyền và nghĩa

vụ theo Hợp đồng thuê tài sản, cho thuê, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản theo quy định.

- Sau khi HĐND tỉnh có Nghị quyết, giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai tiếp nhận nguyên trạng, đồng thời rà soát, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với tài chính, tài sản, đất đai dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảm bảo sử dụng có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công.

- Phương án bàn giao, tiếp nhận và quản lý tài chính, tài sản của 02 Sở: Thực hiện rà soát, lập danh sách trang thiết bị, máy móc, bàn ghế làm việc... chuyển tài sản, trang thiết bị làm việc từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai tiếp tục sử dụng và quản lý theo quy định.

8.5. Tổ chức Đảng, Đoàn thể

Thành lập đảng bộ (chi bộ) và đoàn thể cơ quan trên cơ sở hợp nhất đảng bộ (chi bộ), đoàn thể 02 cơ quan hiện nay theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

9. Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai và Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước

9.1. Hiện trạng tổ chức, biên chế, nhân sự

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai

- **Quá trình hình thành đơn vị:** Sở Dân tộc và Tôn giáo được thành lập trên cơ sở Đề án số 18/ĐA-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở sáp nhập Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ vào Ban Dân tộc được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ vào Ban Dân tộc

- **Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh Đồng Nai, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- **Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự:** Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc); có 04 phòng; số công chức có mặt tại Sở là 33/36 biên chế được giao; số lượng Hợp đồng 111 là 06.

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HĐ 111
1	Ban Giám đốc	1	3		
2	Văn phòng Sở	1	1	7	6
3	Phòng Nghiệp vụ 1	1	1	5	
4	Phòng Nghiệp vụ 2		1	6	
5	Phòng Nghiệp vụ 3		1	5	

- **Trụ sở, tài chính, tài sản**

+ Trụ sở: số 01, đường 30/4, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

+ Tài chính, tài sản:

. Xe ô tô: 02 chiếc (xe 07 chỗ, biển số 60A-01.020; xe 04 chỗ biển số 60C-7868).

. Trang thiết bị: Sở Dân tộc và Tôn giáo trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc cho các công chức thuộc thẩm quyền quản lý (máy vi tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc); các trang thiết bị, cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo theo quy định.

. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp năm 2025: 27.300.793.875 đồng, trong đó: Kinh phí thường xuyên: 8.968.000.000 đồng, kinh phí không thường xuyên: 18.332.793.875 đồng.

b) Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước

- **Quá trình hình thành đơn vị:** Sở Dân tộc và Tôn giáo được thành lập trên cơ sở Đề án số 15/ĐA-UBND ngày 12/2/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập và tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bình Phước.

- **Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước. Theo đó, Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo phân công, ủy

quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- **Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự:** gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); có 04 phòng; số công chức có mặt tại Sở là 22/24 biên chế được giao; số lượng Hợp đồng 111 là 04

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HĐ 111
1	Ban Giám đốc	01	01		
2	Văn phòng Sở	01	01	03	04
3	Phòng Chính sách dân tộc	01	01	03	
4	Phòng Tôn giáo – Tín ngưỡng	01	01	05	
5	Phòng Tuyên truyền	01	0	02	

- **Trụ sở, tài chính, tài sản:**

+ Trụ sở: số 682. QL14, Tân Phú, Đồng Xoài, Bình Phước.

+ Tài chính, tài sản

. Xe ô tô: 01 chiếc (07chỗ, biển số 93A-001.69).

. Trang thiết bị: Sở Dân tộc và Tôn giáo trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc cho các công chức thuộc thẩm quyền quản lý (máy vi tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc); các trang thiết bị, cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo theo quy định.

. Kinh phí hoạt động: Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp năm 2025: 17.483.124.023 đồng; Kinh phí thường xuyên: 5.172.000.000 đồng; kinh phí không thường xuyên: 12.311.124.023 đồng.

9.2. Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy: Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai và Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước và thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

9.3. Cơ quan, tổ chức mới sau hợp nhất

9.3.1. Tên gọi, loại hình:

- Tên gọi: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai

- Loại hình: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

9.3.2. Vị trí, chức năng:

Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh Đồng Nai, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự

theo phân công, phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

9.3.3. Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các văn bản pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Dân tộc và Tôn giáo để phù hợp với quy định của Trung ương (Hiện tại, dự thảo thông tư đang trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ sớm được ban hành).

9.3.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự

- Lãnh đạo Sở: Lãnh đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo sau hợp nhất: Do Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Cơ cấu tổ chức bên trong thuộc sở gồm 09 phòng và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, cụ thể:

- Cơ cấu tổ chức bên trong thuộc sở gồm 04 phòng, cụ thể:

+ Văn phòng;

+ Phòng Chính sách Dân tộc

+ Phòng Tôn giáo – Tín ngưỡng

+ Phòng Tuyên truyền.

- Tổng số biên chế giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai năm 2025 là 36 biên chế; tổng số biên chế giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước năm 2025 là 24 biên chế. Tổng số biên chế được giao: 60 biên chế. Khi hợp nhất, tổng số biên chế giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (mới) do UBND tỉnh quyết định.

- Tổng số biên chế có mặt: 55/60 biên chế; tổng số công chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (mới) không vượt quá tổng số công chức có mặt tại Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai và Bình Phước trước sắp xếp. Cụ thể: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai hiện có 33 công chức và 06 nhân viên HĐLĐ theo Nghị định số 111; Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước có 22 công chức và 04 nhân viên HĐLĐ theo Nghị định số 111.

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có sau hợp nhất			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HĐ 111
I	Ban Giám đốc	01	05		
II	Các phòng	04	09	36	
1	Văn phòng Sở	01	02	07	07
2	Phòng Chính sách dân tộc	01	02	11	
3	Phòng Tôn giáo – Tín ngưỡng	01	03	11	
4	Phòng Tuyên truyền	01	02	07	

9.3.5. Trụ sở: Số 01, đường 30/4, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Xem xét, chấp thuận chủ trương giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo cải tạo sửa chữa trụ sở hiện nay và tòa nhà làm việc của Công ty Dofico giao Công ty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa Bihimex để đáp ứng yêu cầu công năng sử dụng của Sở sau sáp nhập tỉnh.

9.4. Phương án xử lý về nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai

a) Phương án xử lý nhân sự đối với tổ chức hành chính

- Đối với Lãnh đạo Sở: Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.
- Đối với cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn thuộc Sở: Theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định nhân sự cấp trưởng của Sở Dân tộc và Tôn giáo (mới), Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, kiện toàn, bố trí theo Phương án, số lượng dự kiến đã được 02 đơn vị thông qua và có thể cao hơn quy định, nhưng phải xây dựng phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày HĐND tỉnh có Nghị quyết đảm bảo theo yêu cầu, nguyên tắc tại khoản 1 Mục I Phần ba của Đề án.

b) Về dự kiến giải quyết chế độ, chính sách: Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của công chức, viên chức, người lao động chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp trong trường hợp vẫn là công chức tại cơ quan trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này thực hiện chế độ chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định pháp luật (Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025).

Trường hợp công chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, đơn vị thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

- Phương án xử lý về tài chính, tài sản, đất đai

+ Sau khi hợp nhất, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (mới) kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bình Phước và Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai bao gồm quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê tài sản, cho thuê, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản theo quy định.

+ Sau khi HĐND tỉnh có Nghị quyết, giao Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận nguyên trạng, đồng thời rà soát, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với tài chính, tài sản, đất đai dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảm bảo sử dụng có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công.

9.5. Tổ chức Đảng, Đoàn thể

Thành lập Đảng bộ Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở hợp nhất Chi bộ 02 cơ quan hiện nay theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

10. Thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước

10.1. Hiện trạng tổ chức, biên chế, nhân sự

a) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai

- **Quá trình hình thành đơn vị:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai tiền thân là Ty Giáo dục Đồng Nai, được thành lập năm 1976 trên cơ sở hợp nhất bốn đơn vị giáo dục thuộc khu Đông Nam Bộ: Ty Giáo dục biên Hòa, Ty Giáo dục Bà Rịa - Long Khánh, Ty Giáo dục Vũng Tàu và Ty Giáo dục Tân Phú. Từ ngày 06/12/1982, thực hiện quy định đổi tên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ty Giáo dục Đồng Nai được đổi tên thành Sở Giáo dục Đồng Nai theo Quyết định số 2072/QĐ.UBT ngày 06/12/1982 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đổi tên các Ty thuộc UBND tỉnh thành các Sở. Năm 1990, Sở Giáo dục Đồng Nai đổi tên thành Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1692/QĐ.UBT ngày 10/12/1990 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đổi tên Sở Giáo dục Đồng Nai thành Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với tổ chức hành chính

Các phòng thuộc Sở: 07 phòng (Văn phòng Sở, Tổ chức - Cán bộ, Thanh tra Sở, Kế hoạch - Tài chính, Giáo dục mầm non và Quản lý chất lượng, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp); Số công chức có mặt tại Sở là 53; số lượng Hợp đồng 111 là 06, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Chuyên viên	HĐ 111	
1	Tổ chức hành chính	06	10	37	06	
1	Ban Giám đốc	01	02			
2	Văn phòng Sở	01	02	04	06	
3	Thanh tra Sở	0	01	03		
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	0	01	05		
5	Phòng Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên	01	02	08		
6	Phòng Giáo dục mầm non và Quản lý chất lượng	01	0	06		
7	Phòng Tổ chức cán bộ	01	01	05		
8	Phòng Giáo dục nghề nghiệp	01	01	06		

- Trụ sở, tài chính, tài sản:

+ Trụ sở: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Tài chính, tài sản:

. Xe ô tô: 02 phương tiện (01 xe ô tô 04 chỗ, 01 xe ô tô 07 chỗ).

. Kinh phí hoạt động: Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp năm 2025: 1.083.029.871.915 đồng, trong đó: Chi quản lý nhà nước là 19.136.855.915 đồng, chi sự nghiệp 1.063.893.016.000 đồng.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập: gồm 59 đơn vị sự nghiệp công lập với số lượng viên chức có mặt là 3.568 và 222 Hợp đồng 111, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111
I	Các đơn vị sự nghiệp công lập	57	111	3568	222
1	THPT chuyên Lương Thế Vinh	01	02	95	04
2	THPT Ngô Quyền	01	01	68	04
3	THPT Trần Biên	01	03	105	04
4	THPT Chu Văn An	01	02	66	04
5	THPT Tam Hiệp	01	02	69	04
6	THPT Lê Hồng Phong	01	02	79	04
7	THPT Nam Hà	01	02	70	04
8	THPT Nguyễn Trãi	01	02	71	04
9	THPT Nguyễn Hữu Cánh	01	01	65	04
10	THPT Tam Phước	01	02	73	04
11	THPT Vĩnh Cửu	01	02	80	04
12	THPT Trị An	0	02	74	04
13	THPT Long Thành	01	02	78	04
14	THPT Nguyễn Đình Chiểu	01	02	66	04
15	THPT Bình Sơn	01	02	68	04
16	THPT Long Phước	01	02	80	04
17	THPT Phước Thiện	01	02	71	04
18	THPT Nhơn Trạch	01	02	81	04
19	THPT Nguyễn Bình Khiêm	01	01	67	04
20	THPT Ngô Sĩ Liên	01	02	76	04
21	THPT Thống Nhất A	01	02	79	04
22	THPT Thống Nhất	01	02	88	04
23	THPT Dầu Giây	01	02	84	04
24	THPT Kiệm Tân	01	02	69	04
25	THPT Điều Cải	01	02	72	04
26	THPT Phú Ngọc	01	02	70	04
27	THPT Tân Phú	01	02	74	05
28	THPT Định Quán	01	02	75	04
29	THPT Đoàn Kết	01	02	84	04
30	THPT Thanh Bình	01	01	84	04
31	THPT Tôn Đức Thắng	01	02	67	04

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111
32	THPT Trần Phú	01	02	46	04
33	THPT Long Khánh	01	02	81	04
34	THPT Xuân Lộc	01	02	100	04
35	THPT Xuân Thọ	01	02	69	04
36	THPT Xuân Hưng	01	02	81	04
37	THPT Sông Ray	01	02	75	04
38	THPT Võ Trường Toản	01	02	80	04
39	THPT Cẩm Mỹ	01	02	73	04
40	THCS & THPT Huỳnh Văn Nghệ	01	02	58	05
41	THCS & THPT Bàu Hàm	01	02	59	04
42	THCS & THPT Đắc Lua	01	02	47	04
43	THCS & THPT Tây Sơn	01	02	64	04
44	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh	01	02	32	04
45	THPT Hoàng Diệu	01	02	70	04
46	THCS & THPT Suối Nho	01	03	97	04
47	Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật	01	01	35	04
48	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	01	02	39	04
49	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Biên Hòa	01	02	16	04
50	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ (khu vực 1)	01	02	16	03
51	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Định Quán (khu vực 2)	01	02	11	03
52	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Long Khánh (khu vực 3)	01	01	15	03
53	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Long Thành (khu vực 4)	01	02	13	02
54	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nhơn Trạch (khu vực 5)	01	0	08	0
55	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Phú (khu vực 6)	01	02	12	03
56	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thống Nhất (khu vực 7)	01	02	10	02
57	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Trảng Bom (khu vực 8)	01	02	19	03
58	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Cửu (khu vực 9)	01	01	14	02
59	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Xuân Lộc (khu vực 10)	0	2	10	03

b) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước

- **Quá trình hình thành đơn vị:** Cùng với quá trình thành lập tỉnh Bình Phước, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước được thành lập vào năm 1997 trên cơ sở chia tách từ Sở GD&ĐT tỉnh Sông Bé (cũ) theo Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 08/01/1997 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập các Sở, Ban, Ngành trực thuộc UBND tỉnh.

- **Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GD&ĐT, Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc Giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước sau khi tiếp nhận nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với tổ chức hành chính:

Gồm 05 phòng (Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Phòng Giáo dục phổ thông và Chuyên nghiệp, Phòng Giáo dục mầm non, Phòng Quản lý chất lượng giáo dục). Số lượng công chức có mặt tại Sở là 48, số lượng người lao động HĐ 111 là 04; cụ thể:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/Viên chức	HĐ 111
I	Tổ chức hành chính	05	12	31	04
1	Ban Giám đốc	01	02		
2	Văn phòng Sở		02	12	04
3	Thanh tra Sở	01	01	03	
4	Phòng Giáo dục phổ thông và Chuyên nghiệp	01	03	10	
5	Phòng Giáo dục mầm non	01	02	02	
6	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục	01	02	04	

- Trụ sở, tài chính, tài sản:

+ Trụ sở: Số 772, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Tài chính, tài sản:

. Xe ô tô: 02 phương tiện (01 xe ô tô 04 chỗ, 01 xe ô tô 12 chỗ - đã hết hạn sử dụng).

. 01 hệ thống trung tâm theo dõi hoạt động của các trường mầm non trên địa bàn tỉnh thông qua hệ thống camera được lắp đặt tại các trường mầm non.

. Tổng Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp năm 2025 (VP Sở+ NVN+38 đơn vị): 890.341.000.000 đồng, trong đó: Quản lý nhà nước (VP): 12.471.000.000 đồng, Sự nghiệp (38 đơn vị và NV ngành): 843.131.000.000 đồng (Kp còn lại chưa phân bổ, chờ điều chỉnh giảm): 34.739.000.000

- **Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập:** có 46 đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng viên chức có mặt 2.582, người lao động HĐ 111 là 169, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111
I	Các đơn vị sự nghiệp công lập	42	83	2457	269
1	THPT chuyên Quang Trung	1	2	68	8
2	THPT chuyên Bình Long	1	2	49	8
3	THPT Đồng Xoài	1	2	82	5
4	THPT Nguyễn Du	1	2	82	5
5	THPT Hùng Vương	1	2	94	5
6	THPT Chơn Thành	1	2	52	5
7	THPT Chu Văn An	1	1	53	5
8	THPT Nguyễn Hữu Cánh	1	3	73	5
9	THPT TX Bình Long	1	3	76	5
10	THPT Nguyễn Huệ	1	2	57	5
11	THPT Trần Phú	1	2	39	5
12	THPT Lộc Ninh	1	2	87	5
13	THPT Lộc Thái	1		59	5
14	THPT Phú Riềng	1	2	64	5
15	THPT Ngô Quyền	1	3	37	5
16	THPT Nguyễn Khuyến	1	2	66	5
17	THPT TX Phước Long	1	2	72	5
18	THPT Phước Bình	1	2	100	5
19	THPT Bù Đăng	1	2	97	5
20	THPT Lê Quý Đôn	1	2	68	5
21	THPT Đồng Phú	1	2	77	5
22	THPT Thanh Hòa		2	78	5
23	THPT Thống Nhất	1	1	42	5
24	THPT Đăk Ô	1	3	48	5
25	THPT Đa Kia	1	3	42	5
26	THPT Lộc Hiệp	1	1	43	5
27	PTDTNT THPT Bình Phước	1	3	43	22
28	THCS&THPT Đồng Tiến	1	2	80	6
29	THCS&THPT Đăng Hà	1	2	48	6
30	THCS&THPT Lương Thế Vinh	1	2	78	6
31	THCS&THPT Tân Tiến	1	3	62	6
32	THCS&THPT Võ Thị Sáu	1	1	54	6
33	THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm	1	1	41	5
34	PTDTNT THCS&THPT Bù Gia Mập	1	2	45	23
35	THCS&THPT Đăk Mai	1	2	41	6

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111
36	PTDTNT THCS&THPT Điều Ong	1	2	43	23
37	THCS&THPT Minh Hưng	1	2	84	6
38	Trung tâm GDTX tỉnh	1	1	25	5
39	TTGDNN-GDTX Chơn Thành	1		16	2
40	TTGDNN-GDTX Hớn Quản		1	7	
41	TTGDNN-GDTX Bình Long	1	1	15	3
42	TTGDNN-GDTX Phước Long	1		8	
43	TTGDNN-GDTX Lộc Ninh		2	18	2
44	TTGDNN-GDTX Bù Đốp	1	1	14	4
45	TTGDNN-GDTX Đồng Phú	1	2	17	1
46	TTGDNN-GDTX Bù Đăng		1	13	1

10.2. Phương án sắp xếp: Thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước và thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

10.3. Cơ quan, tổ chức mới sau sắp xếp

10.3.1. Tên gọi, loại hình

- Tên gọi: Sở Giáo dục và Đào tạo
- Loại hình: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

10.3.2. Vị trí, chức năng

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có).

10.3.3. Nhiệm vụ

- Trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh sẽ ban hành quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo (sau hợp nhất).

- Trước mắt, sau khi hợp nhất, khi Bộ Sở Giáo dục và Đào tạo chưa kịp ban hành Thông tư hướng dẫn nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo (sau hợp nhất); Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo các Thông tư đang có hiệu lực quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

10.3.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 05 Phó Giám đốc (do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

- Dự kiến cơ cấu tổ chức sau sắp xếp có 07 phòng và tương đương (Văn phòng Sở, Tổ chức - Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông - Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp, Quản lý chất lượng); 102 đơn vị sự

ng nghiệp công lập (83 trường phổ thông (THCS-THPT và THPT), 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai, 18 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), cụ thể:

a) Về tổ chức hành chính

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có			
		Cấp trưởng	Cấp phó	Chuyên viên	HD 161/111
1	Ban Giám đốc	1	5		
2	Văn phòng Sở	1	3	10	6
3	Phòng Giáo dục mầm non	0	2	3	
4	Phòng Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	1	6	18	
5	Phòng Giáo dục nghề nghiệp	1	2	6	
6	Phòng Tổ chức - Cán bộ	1	2	8	
7	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1	1	10	
8	Phòng Quản lý chất lượng	1	3	8	
Tổng số		7	24	63	

b) Về đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên: Thành lập 18 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (mới); cụ thể:

(1) Tiếp nhận Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ) và sáp nhập vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Đồng Nai (cũ); tổ chức lại thành Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai (liên phường: Biên Hòa, Trảng Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước). Biên chế: 78; số viên chức hiện có: 61 (trong đó, có 01 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 13

(2) Tiếp nhận và hợp nhất 03 Trung tâm GDNN-GDTX Chơn Thành, Bình Long và Hớn Quản, tỉnh Bình Phước và tổ chức lại thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12 (liên phường Minh Hưng, phường Chơn Thành, xã Nha Bích, phường Bình Long, phường An Lộc, xã Tân Hưng, xã Tân Khai, xã Minh Đức, xã Tân Quan). Số viên chức hiện có: 43 (trong đó, có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 05

(3) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cẩm Mỹ và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 1 (liên xã: Xuân Quế, Xuân Đường, Cẩm Mỹ, Sông Ray, Xuân Đông). Biên chế: 19; số viên chức hiện có: 19 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 03

(4) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Định Quán và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 2 (liên xã: La Ngà, Định Quán, Thanh Sơn, Phú Vinh, Phú Hòa). Biên chế: 19; số viên chức hiện có: 17 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 07

(5) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Long Khánh và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 3 (liên xã: Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn). Biên chế: 24; số viên chức hiện có: 19 (trong đó, có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 03

(6) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Long Thành và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 4 (liên xã: Phước Thái, Long Phước, Long Đức, Long Thành, An Phước). Biên chế: 17; số viên chức hiện có: 16 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 02

(7) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhơn Trạch và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 5 (liên xã: Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An). Biên chế: 13; số viên chức hiện có: 09 (trong đó, có 01 Giám đốc và 0 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 04

(8) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Phú và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 6 (liên xã: Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Đak Lua). Biên chế: 18; số viên chức hiện có: 18 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 03

(9) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thống Nhất và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 7 (liên xã: Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất). Biên chế: 18; số viên chức hiện có: 16 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 02

(10) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trảng Bom và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 8 (liên xã: An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh). Biên chế: 22; số viên chức hiện có: 19 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 02

(11) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Cửu và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 9 (liên xã: Phú Lý, Trị An, Tân An, Tân Triều). Biên chế: 18; số viên chức hiện có: 18 (trong đó, có 01 Giám đốc và 0 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 02

(12) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Lộc và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 10 (liên xã: Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc). Biên chế: 15; số viên chức hiện có: 15 (trong đó, có 0 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 03

(13) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDTX tỉnh và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 11 (liên phường Bình Phước, phường Đồng Xoài, xã Thuận Lợi). Biên chế: 43; số viên chức hiện có: 28 (trong đó, có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 05

(14) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX Phước Long và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 13 (liên phường Phước Bình, phường Phước Long, xã Bù Gia Mập, xã Đắc O, xã Phú Nghĩa, xã Bình Tân, xã Long Hà,

xã Phú Riềng, xã Phú Trung). Biên chế: 10; số viên chức hiện có: 09 (trong đó, có 00 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 00

(15) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Ninh và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 14 (liên xã: Lộc Thành, Lộc Ninh, Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Lộc Quang). Biên chế: 24; số viên chức hiện có: 21 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 04

(16) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX Bù Đốp và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 15 (liên xã: Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Đa Kì). Biên chế: 16; số viên chức hiện có: 16 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 02

(17) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX Đồng Phú và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 16 (liên xã: Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú). Biên chế: 22; số viên chức hiện có: 20 (trong đó, có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 01

(18) Tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm GDNN-GDTX Bù Đăng và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 17 (liên xã: Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đắc Nhau, Bom Bo). Biên chế: 16; số viên chức hiện có: 14 (trong đó, có 00 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); Hợp đồng 111: 01

Stt	Tên gọi	Trụ sở sau sắp xếp
1	Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Đồng Nai	Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
2	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 1	Xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
3	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 2	Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai
4	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 3	Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
5	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 4	Xã Bình An, tỉnh Đồng Nai
6	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 5	Xã Phước An, tỉnh Đồng Nai
7	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 6	Xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
8	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 7	Xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai
9	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 8	Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
10	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 9	Xã Trại An, tỉnh Đồng Nai
11	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 10	Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
12	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 11	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
13	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 12	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai
14	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 13	Phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai
15	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 14	Xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai
16	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 15	Xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai
17	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 16	Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai
18	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực 17	Xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai

+ Vị trí pháp lý: là cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời chịu sự quản lý nhà nước trên địa bàn của Sở Giáo dục và Đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh nơi Trung tâm đặt trụ sở chính

giao nhiệm vụ. Trung tâm thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Đối với Trường Trung học phổ thông

(19) Tiếp nhận nguyên trạng 70 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước (không đổi tên); trong đó, có 45 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (cũ) và 25 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước; cụ thể:

Stt	Tên gọi	Trụ sở (sau sắp xếp)
1	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
2	THPT chuyên Quang Trung	Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
3	THPT chuyên Bình Long	Phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai
4	THCS - THPT Huỳnh Văn Nghệ	Xã Phú Lý, tỉnh Đồng Nai
5	THCS - THPT Bàu Hàm	Xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai
6	THCS - THPT Đắc Lua	Xã Đắc Lua, tỉnh Đồng Nai
7	THCS - THPT Tây Sơn	Xã Thanh Sơn, tỉnh Đồng Nai
8	THCS - THPT Suối Nho	Xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai
9	THCS - THPT Đồng Tiến	Xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai
10	THCS - THPT Đăng Hà	Xã Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai
11	THCS - THPT Lương Thế Vinh	Xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai
12	THCS - THPT Tân Tiến	Xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai
13	THCS - THPT Võ Thị Sáu	Xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai
14	THCS - THPT Ng Bình Khiêm	Xã Nha Bích, tỉnh Đồng Nai
15	THCS - THPT Đắc Mai	Xã Đắc Mai, tỉnh Đồng Nai
16	THCS - THPT Minh Hưng	Phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
17	THPT Ngô Quyền	Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
18	THPT Trần Biên	Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
19	THPT Chu Văn An	Phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
20	THPT Tam Hiệp	Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
21	THPT Lê Hồng Phong	Phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
22	THPT Nam Hà	Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
23	THPT Nguyễn Trãi	Phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai

24	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai
25	THPT Tam Phước	Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai
26	THPT Vĩnh Cửu	Phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai
27	THPT Trị An	Xã Trị An, tỉnh Đồng Nai
28	THPT Long Thành	Xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai
29	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai
30	THPT Bình Sơn	Xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai
31	THPT Long Phước	Xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai
32	THPT Phước Thiện	Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
33	THPT Nhơn Trạch	Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
34	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
35	THPT Ngô Sĩ Liên	Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
36	THPT Thống Nhất A	Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
37	THPT Thống Nhất	Xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai
38	THPT Dầu Giây	Xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai
39	THPT Kiệm Tân	Xã Thống Nhất tỉnh Đồng Nai
40	THPT Điều Cải	Xã La Ngà, tỉnh Đồng Nai
41	THPT Phú Ngọc	Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai
42	THPT Tân Phú	Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai
43	THPT Định Quán	Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai
44	THPT Đoàn Kết	Xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
45	THPT Thanh Bình	Xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai
46	THPT Tôn Đức Thắng	Xã Tà Lài, tỉnh Đồng Nai
47	THPT Trần Phú	Phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai
48	THPT Long Khánh	Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
49	THPT Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
50	THPT Xuân Thọ	Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
51	THPT Xuân Hưng	Xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai
52	THPT Sông Ray	Xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai
53	THPT Võ Trường Toản	Xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai
54	THPT Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
55	THPT Hoàng Diệu	Phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
56	THPT Đồng Xoài	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
57	THPT Nguyễn Du	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
58	THPT Hùng Vương	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
59	THPT Chơn Thành	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai
60	THPT Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai
61	THPT Lộc Thái	Xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai
62	THPT Phú Riềng	Xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai
63	THPT Phước Bình	Phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai
64	THPT Bù Đăng	Xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai
65	THPT Lê Quý Đôn	Xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai
66	THPT Đồng Phú	Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai
67	THPT Thanh Hòa	Xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai
68	THPT Đăk O	Xã Đăk O, tỉnh Đồng Nai

69	THPT Đa Kì	Xã Đa Kì, tỉnh Đồng Nai
70	THPT Lộc Hiệp	Xã Lộc Quang, tỉnh Đồng Nai

(20) Tiếp nhận nguyên trạng và đổi tên 13 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước (02 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và 10 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước); cụ thể:

Stt	Tên cũ	Tên mới	Trụ sở (sau sắp xếp)
1	THPT Chu Văn An	THPT Chu Văn An A	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai
2	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	THPT Nguyễn Hữu Cảnh A	Xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai
3	THPT Trần Phú	THPT Trần Phú A	Xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai
4	THPT Ngô Quyền	THPT Ngô Quyền A	Xã Long Hà, tỉnh Đồng Nai
5	THPT Thống Nhất	THPT Thống Nhất B	Xã Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai
6	THPT TX Bình Long	THPT Bình Long	Xã Bình Long, tỉnh Đồng Nai
7	THPT TX Phước Long	THPT Phước Long	Phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai
8	THPT Nguyễn Khuyến	THPT Nguyễn Khuyến A	Xã Phú Riêng, tỉnh Đồng Nai
9	THPT Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Huệ A	Xã Bình Long, tỉnh Đồng Nai
10	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai
11	PTDTNT THPT Bình Phước	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Bình Phước tỉnh Đồng Nai	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
12	PTDTNT THCS - THPT Bù Gia Mập	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Bù Gia Mập tỉnh Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai
13	PTDTNT THCS - THPT Điều Ong	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Điều Ong tỉnh Đồng Nai	Xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai
14	Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai	Phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

+ Vị trí pháp lý: là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do Nhà nước thành lập và quản lý. Trường hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục, các văn bản pháp luật liên quan và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; được sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông cấp THPT theo quy định.

+ Chức năng, nhiệm vụ:

. Trường phổ thông có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông (trung học phổ thông, trung học cơ sở - trung học phổ thông) là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn như: Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

. Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Trường PTDTNT thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường trung học và các nhiệm vụ: Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường. Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với học sinh dân tộc nội trú. Giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống phù hợp với năng lực, phẩm chất của học sinh, điều kiện và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo dõi, thống kê số lượng học sinh, đánh giá hiệu quả giáo dục hằng năm và theo từng giai đoạn để

xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT.

. Trường chuyên thuộc tỉnh là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Trường chuyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và có thêm các nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức và thực hiện kế hoạch dạy học chương trình giáo dục nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông; Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu; giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực nghiên cứu khoa học; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, dạy học và nghiên cứu khoa học; Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên; Phát triển hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định của pháp luật để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên; Tổ chức và quản lý các hoạt động nội trú của học sinh; Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường; Tổ chức theo dõi quá trình học tập và làm việc của cựu học sinh; Trong mỗi năm học, chủ trì tổ chức ít nhất 01 (một) hội thảo chuyên đề về tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường với sự tham gia của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông khác nhằm chia sẻ những giải pháp và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường chuyên theo quy định.

(21) Thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng và đổi tên Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai
- Vị trí pháp lý: là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.
- Chức năng, nhiệm vụ: Đánh giá, xác định khả năng và phân loại nhu cầu giáo dục đối với trẻ em có dấu hiệu khiếm khuyết hoặc dấu hiệu suy giảm chức năng, học sinh khuyết tật để can thiệp giáo dục sớm hoặc tư vấn lựa chọn phương thức giáo dục phù hợp cho từng đối tượng. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Tổ chức dạy học và giáo dục cấp học giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với học sinh khuyết tật để học sinh khuyết tật có thể tham gia giáo dục hòa nhập hoặc hòa nhập cộng đồng. Bồi dưỡng, tư vấn cho người khuyết tật và các

tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu về tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp. Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan có thẩm quyền, học sinh, học viên và xã hội. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn: Thực hiện quyền tự chủ theo quy định của pháp luật và một số quy định cụ thể như Quyết định mục tiêu, sứ mạng, chiến lược và kế hoạch phát triển của Trung tâm; Quyết định thành lập bộ máy tổ chức theo đề án thành lập Trung tâm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trung tâm; Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật; Tuyển sinh và quản lý học sinh, học viên; phát triển chương trình giáo dục của Trung tâm; tổ chức biên soạn, lựa chọn tài liệu học tập, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo quy định của pháp luật; Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để huy động các nguồn lực về chuyên môn hoặc tài chính để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm theo quy định của pháp luật. Sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tổ chức cho giáo viên cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực nghề nghiệp. Được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trợ giúp người khuyết tật trong lĩnh vực giáo dục. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức dự kiến: gồm Ban lãnh đạo có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc; Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: 35; NLD: 04

- Trụ sở: Phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

10.3.5. Trụ sở chính của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (dự kiến):

Số 02 Nguyễn Văn Trị, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

10.4. Phương án xử lý về nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai

a) Phương án xử lý về nhân sự

- Đối với Lãnh đạo Sở: Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Đối với Lãnh đạo Trung tâm; cấp trưởng, cấp phó các phòng nghiệp vụ thuộc Trung tâm; cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn thuộc Sở: Theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định nhân sự cấp trưởng của Sở Khoa học và Công nghệ (mới), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, kiện toàn, bố trí theo Phương án, số lượng dự kiến đã được 02 đơn vị thông qua và có thể cao hơn quy định, nhưng phải xây dựng phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định chung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày HĐND tỉnh có Nghị quyết đảm bảo theo yêu cầu, nguyên tắc tại khoản 1 Mục I Phần ba của Đề án.

b) Về dự kiến giải quyết chế độ, chính sách: Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của công chức, viên chức, người lao động chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp trong trường hợp vẫn là công chức, viên chức tại cơ quan trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này thực hiện chế độ chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định pháp

luật (Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025).

Trường hợp công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, đơn vị thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

c) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, đất đai

- Sau khi hợp nhất, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (mới) kế thừa quyền quản lý, sử dụng tài sản của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước bao gồm quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê tài sản, cho thuê, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản theo quy định.

- Sau khi HĐND tỉnh có Nghị quyết, giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai tiếp nhận nguyên trạng, đồng thời rà soát, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với tài chính, tài sản, đất đai dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảm bảo sử dụng có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công.

10.5. Tổ chức đảng, đoàn thể: Thành lập đảng bộ (chi bộ) và đoàn thể cơ quan trên cơ sở hợp nhất đảng bộ (chi bộ), đoàn thể 02 cơ quan hiện nay theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

11. Thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

11.1. Hiện trạng tổ chức, biên chế, nhân sự

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

- **Quá trình hình thành:** Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai được thành lập từ ngày 01/3/2025 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai, tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối và các dịch vụ công về nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế đối với tổ chức hành chính:

Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 04 Phó Giám đốc), 03 phòng chuyên môn dùng chung, 06 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 02 Chi cục với tổng số biên chế được giao năm 2025 là 347 biên chế, biên chế hiện có là 313 biên chế và 20 hợp đồng lao động, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Đồng Nai				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ viên chức	HĐ 111	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	
I	Tổ chức hành chính	183	9	30	144	13	
1	Ban Giám đốc	5	1	4	0	0	
2	Văn phòng	28	1	5	22	13	
3	Thanh tra	26	1	5	20	0	
4	Phòng Kế hoạch và Tài chính	14	1	3	10	0	
5	Phòng Môi trường	24	1	3	20	0	
6	Phòng Đất đai	13	1	1	11	0	
7	Phòng Quy hoạch - Khoáng sản	17	1	4	12	0	
8	Phòng Phát triển nông thôn	23	1	2	20	0	
9	Phòng Thủy lợi	18	1	2	15	0	
10	Phòng Trồng trọt	15	0	1	14	0	
11	Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	32	5	7	20	9	
11.1	Ban lãnh đạo Chi cục	4	1	3	0	0	
11.2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	7	1	1	5	9	
11.3	Phòng Chăn nuôi	4	1	1	2	0	
11.4	Phòng Thú y	4	1	1	2	0	
11.5	Phòng Kiểm dịch Động vật	4	1	1	2	0	
11.6	Phòng Thủy sản	9	0	0	9	0	
12	Chi cục Kiểm lâm	98	10	17	71	2	
12.1	Ban Lãnh đạo	2	1	1	0	0	
12.2	Phòng Tổ chức, Hành chính	14	1	4	9	2	
12.3	Phòng Sử dụng và phát triển rừng	6	1	1	4	0	
12.4	Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế	6	0	2	4	0	
12.5	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng	7	1	0	6	0	
12.6	Hạt Kiểm lâm liên huyện Trảng Bom - thành phố Biên Hoà	11	1	2	8	0	

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Đồng Nai				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HD 111	
12.7	Hạt Kiểm lâm huyện Tân Phú	7	1	0	6	0	
12.8	Hạt Kiểm lâm huyện Định Quán	10	1	1	8	0	
12.9	Hạt Kiểm lâm liên huyện Long Thành - Nhơn Trạch - Cẩm Mỹ	12	1	3	8	0	
12.10	Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Cửu	13	1	2	10	0	
12.11	Hạt Kiểm lâm liên huyện Xuân Lộc - thành phố Long Khánh	10	1	1	8	0	
	Tổng số I	313	24	54	235	20	313
	Tổng số I	313	11	34	268	20	Không bao gồm cấp trưởng, cấp phó các phòng/đội/hạt thuộc Chi cục

- Trụ sở, tài chính, tài sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị:

+ Trụ sở:

. Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt tại số 518 - 520, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Cơ sở 2 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt tại số 236, đường Phan Trung, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản đặt tại số 11 Đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Chi cục Kiểm Lâm đặt tại số 10, đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh đặt tại số 514, Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đặt tại số 2A, đường Phạm Văn Khoai, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành đặt tại số 14, đường Nguyễn Hữu Cánh khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú đặt tại Ấp 3, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

. Trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc đặt tại Ấp 4, Xã

Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

+ Tài sản nhà đất: Tổng số trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp do các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Nai quản lý, sử dụng là 101 cơ sở nhà, đất.

++ Trang thiết bị: Sở Nông nghiệp và Môi trường trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc cho các công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (máy vi tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc); và các trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định. Tài sản máy móc thiết bị, tài sản có tổng nguyên giá: 385.668.340.058 đồng; Giá trị còn lại: 61.291.283.501 đồng.

++ Xe ô tô: 43 xe.

++ Phương tiện vận tải khác: Số lượng: 75 chiếc.

Tổng nguyên giá: 7.966.834.481 đồng;

Giá trị còn lại: 3.161.752.650 đồng.

+ Thông tin, số liệu tài chính:

Kinh phí hoạt động: Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp năm 2025 là 312.272.000.000 đồng, trong đó: Chi quản lý nhà nước của cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường là: 105.656.000.000 đồng, chi sự nghiệp là 206.616.000.000 đồng.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

Gồm 9 đơn vị sự nghiệp công lập với tổng số biên chế hiện có là 1.226 biên chế và 246 hợp đồng lao động, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Đồng Nai				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ viên chức	HD 111	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	
1	Trung tâm Công nghệ thông tin	30	1	2	27	6	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
2	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	183	1	3	179	46	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
3	Văn phòng Đăng ký đất đai	630	1	3	626	159	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
4	Quỹ Nông nghiệp và Môi trường	25	1	3	21	6	Mức độ tự chủ (nhóm 2); 04 HD hỗ trợ phục vụ và 02 hợp đồng chuyên môn của PCTT
5	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh	46	0	2	44	4	Mức độ tự chủ (nhóm 3)
6	Ban Quản lý rừng	38	1	2	35	22	Mức độ tự chủ

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Đồng Nai				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ viên chức	HD 111	
	phòng hộ Xuân Lộc						(nhóm 2)
7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	40	0	2	38	1	Mức độ tự chủ (nhóm 3)
8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú	90	1	1	88	0	Mức độ tự chủ (nhóm 3)
9	Bộ phận viên chức của Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	143	0	0	143	6	Hưởng lương ngân sách
	Tổng số	1.226	6	18	1.202	246	

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước

- Quá trình hình thành

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước được thành lập từ ngày 01/3/2025 theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối và các dịch vụ công về nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế đối với tổ chức hành chính:

Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 04 Phó Giám đốc), 03 phòng chuyên môn dùng chung, 01 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 06 Chi cục, tổng số công chức là 199 người và 27 hợp đồng lao động, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Bình Phước				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ viên chức	HD 111	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8
I	Tổ chức hành chính	44	3	13	28	7	

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Bình Phước				Ghi chú
1	Ban Giám đốc	6	1	5	0	0	
2	Văn phòng sở	17	1	2	14	7	
3	Phòng Kế hoạch Tài chính	9	0	3	6	0	
4	Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	12	1	3	8	0	
5	Chi cục Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học	12	1	2	9	0	
6	Chi cục Quản lý đất đai	16	0	1	15	0	
7	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	13	1	3	9	0	
7.1	Ban lãnh đạo	2	1	1	0	0	
7.2	Phòng Hành chính Tổng hợp	5	0	1	4	0	
7.3	Phòng Nghiệp vụ	6	0	1	5	0	
8	Chi cục Kiểm lâm	82	8	17	57	18	
8.1	Ban lãnh đạo	3	1	2	0	0	
8.2	Phòng Hành chính - Pháp chế	9	0	2	7	3	
8.3	Phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	6	1	1	4	0	
8.4	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	6	1	1	4	0	
8.5	Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	8	1	2	5	4	
8.6	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	10	1	2	7	1	
8.7	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng	8	0	2	6	1	
8.8	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập - Phước Long	14	1	2	11	4	
8.9	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp	9	1	2	6	4	
8.10	Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh	9	1	1	7	1	
9	Chi cục Khoáng sản, Tài nguyên nước và Thủy lợi	17	2	5	10	1	
9.1	Ban lãnh đạo	3	1	2	0	0	
9.2	Phòng Hành chính Tổng hợp	5	0	1	4	1	
9.3	Phòng QLCT và Phòng chống thiên tai	5	1	1	3	0	
9.4	Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản	4	0	1	3	0	
11	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	14	3	4	7	1	
11.1	Ban Lãnh đạo	3	1	2	0	0	
11.2	Phòng Hành chính Tổng hợp	6	1	1	4	1	
11.3	Phòng Nghiệp vụ	5	1	1	3	0	

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Bình Phước				Ghi chú
12	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	1	0	1	0	0	
	Tổng số I	199	18	46	135	27	
	Tổng số I	199	8	24	167	27	Không bao gồm cấp trường, cấp phó các phòng thuộc Chi cục

- Trụ sở, tài chính, tài sản:

+ Trụ sở làm việc

. Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước đặt tại số 03 Tôn Đức Thắng, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở làm việc của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: nằm trong tòa nhà của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở làm việc của Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Đường Thành Thái, Khu phố Tân Trà, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và các chốt, điểm thuộc Chi cục cụ thể:

. Chốt Kiểm soát dịch bệnh động vật tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

. Chốt Kiểm soát dịch bệnh động vật tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

. Điểm đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

. Điểm đăng ký kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật tại xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Chi cục Khoáng sản, Tài nguyên nước và Thủy lợi: số 5, Tôn Đức Thắng, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Chi cục Kiểm lâm: số 673, đường Phú Riềng Đỏ, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Chi cục Quản lý đất đai: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh: số 735, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Quỹ Môi trường - Phòng chống thiên tai và Bảo vệ phát triển rừng: số 7, đường Tôn Đức Thắng, khu phố Tân Trà, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp: đường Thành Thái, khu phố Tân Trà, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp: ấp Tân Lập, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng: thôn 5, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

. Trụ sở Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai: thôn Bù Xia, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

. Tài sản nhà, đất: Tổng số trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp do các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Nai quản lý, sử dụng là 47 cơ sở nhà, đất.

++ Trang thiết bị: Sở Nông nghiệp và Môi trường trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc cho các công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (máy vi tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc); và các trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định. Tài sản máy móc thiết bị, tài sản có tổng nguyên giá: 181.987.434.661 đồng; Giá trị còn lại: 79.421.464.778 đồng.

++ Xe ô tô: 16 xe.

++ Phương tiện vận tải khác: Số lượng: 102 chiếc. Tổng nguyên giá: 6.735.945.765 đồng; Giá trị còn lại: 1.851.418.400 đồng.

. Thông tin, số liệu tài chính: Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp năm 2025 là 405.925.000.000 đồng, trong đó: Chi quản lý nhà nước của cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường là: 25.134.000.000 đồng, chi sự nghiệp là 380.791.000.000 đồng.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

Gồm 9 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở với tổng số biên chế hiện có là 209 biên chế và 514 hợp đồng lao động, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Bình Phước				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HĐ 111	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự hiện có SNNMT Bình Phước				Ghi chú
1	Văn phòng Đăng ký đất đai	80	1	1	78	412	Mức độ tự chủ (nhóm 1) Không bao gồm cấp trưởng, cấp phó các phòng thuộc VPĐKĐĐ
2	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	4	1	1	2	21	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
3	Quỹ Môi trường - Phòng chôn thiên tai và Bảo vệ Phát triển rừng	4	1	2	1	10	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
4	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh	30	1	0	29	3	Mức độ tự chủ (nhóm 3)
5	Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp	9	1	1	7	7	Mức độ tự chủ (nhóm 4)
6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai	16	1	2	13	30	Mức độ tự chủ (nhóm 4)
7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh	22	1	2	19	0	Mức độ tự chủ (nhóm 4)
8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng	26	1	2	23	30	Mức độ tự chủ (nhóm 4)
9	Bộ phận viên chức Trạm Chẩn đoán XN, KD và ĐTB Động vật - Chi cục Chăn nuôi và Thú y	18	1	1	16	0	Mức độ tự chủ (nhóm 2)
Tổng số II		209	9	12	188	473	

11.3. Cơ quan, tổ chức mới sau sắp xếp

11.3.1. Tên gọi, loại hình

- Tên gọi: Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Nai;
- Loại hình: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

11.3.2. Vị trí, chức năng:

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật, chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

11.3.3. Nhiệm vụ

Theo Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của của Bộ

Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND tỉnh sẽ ban hành quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau hợp nhất).

11.3.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và các Phó Giám đốc do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

- Cơ cấu tổ chức bên trong thuộc sở gồm 7 phòng, 3 Chi cục và 12 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, cụ thể:

a) Về tổ chức hành chính

Stt	Tổ chức	Tổng cộng (1+2+3+4) ⁷	Nhân sự sau sắp xếp				
			Cấp trưởng (1)	Cấp phó (2)	Công chức (3)	Viên chức (4)	HD 111
I	Tổ chức hành chính	489	11	58	420	0	41
1	Lãnh đạo Sở	11	1	10	0	0	0
2	Văn phòng	38	1	6	31	0	20
3	Phòng Pháp chế	15	1	3	11	0	0
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	28	1	5	22	0	0
5	Phòng Môi trường	28	1	4	23	0	0
6	Phòng Đất đai	25	1	3	21	0	0
7	Phòng Quy hoạch	24	1	3	20	0	0
8	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	32	1	5	26	0	0
9	Chi cục Phát triển nông thôn	58	1	7	50	0	0
10	Chi cục Kiểm lâm	182	1	4	177	0	20
11	Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	48	1	8	39		6

+ Chi cục Phát triển nông thôn

. *Phương án sắp xếp*: Thành lập trên cơ sở hợp nhất Phòng Phát triển nông thôn, Phòng Trồng trọt - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai với Phòng Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

. *Vị trí, chức năng*: Chi cục Phát triển nông thôn (sau gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể; hợp tác xã; kinh tế trang trại; liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

⁷ Giảm 23 công chức sau sắp xếp gồm 19 công chức đi Thanh tra tỉnh, 01 công chức bố trí theo ĐVHC và 03 công chức nghỉ 178/CP

cơ điện nông nghiệp; bảo hiểm nông nghiệp; phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề; làng nghề nông thôn; bố trí ổn định dân cư; giảm nghèo; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chương trình môi trường sản phẩm (OCOP); xây dựng nông thôn mới; trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản theo quy định của pháp luật và sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thường trực bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững.

+ Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản

. *Phương án sắp xếp*: Thành lập trên cơ sở hợp nhất Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai với Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

. *Vị trí, chức năng*: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản Đồng Nai là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y và thủy sản theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản và các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo phân công của Giám đốc Sở và quy định của pháp luật; triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý; Phối hợp chính quyền địa phương hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác quản lý chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật; Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; Thu nộp phí, lệ phí theo quy định.

+ Chi cục Kiểm lâm

. *Phương án sắp xếp*: Thành lập trên cơ sở hợp nhất Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai với Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

. *Vị trí, chức năng*: Chi cục Kiểm lâm là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; có chức năng giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn, đa dạng sinh học và thực hiện các nhiệm vụ khác về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

b) Về Đơn vị sự nghiệp công lập

(1) Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Trung tâm Công nghệ thông tin

- Vị trí pháp lý: Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (mức độ tự chủ nhóm 2) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trung tâm Công nghệ thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật.

- Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm Công nghệ thông tin có chức năng xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường; quản lý, kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường với Trung tâm Điều

hành thông minh của tỉnh và cơ sở dữ liệu của các sở, ngành liên quan; thực hiện số hóa, tạo lập, lưu trữ, quản lý, bảo quản tài liệu, dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; cung cấp dịch vụ khai thác thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định; hoạt động dịch vụ, chuyển giao công nghệ về ứng dụng công nghệ thông tin; biên mục, chỉnh lý hồ sơ lưu trữ.

- Trụ sở làm việc: trong khuôn viên của Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt tại số 518 - 520, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HB 111/HB khác	
1	Ban Giám đốc	3	1	2	0	0	
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	9	1	0	6	2	
3	Phòng Dữ liệu – Lưu trữ	11	1	0	9	1	
4	Phòng Tích hợp và Điều hành hệ thống thông tin	13	1	0	9	3	
Tổng số		36	4	2	24	6	

(2) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

- Chức năng, nhiệm vụ: Ban Quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ rừng; đất lâm nghiệp và diện tích mặt nước gắn liền lâm phận được giao quản lý, với ổn định dân cư trong lâm phận; phát triển rừng, sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy hoạch; khai thác và tiêu thụ lâm sản; tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ nông - lâm - ngư nghiệp, du lịch sinh thái, giống cây trồng, khuyến nông, khuyến lâm trong phạm vi quản lý được giao theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HB 111/HB khác	

		việc					
1	Ban Giám đốc	02	0	02	02		
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	07	01	0	05	01	
3	Phòng Lâm nghiệp	06	01	01	04		
4	Phân trường Phước An	10	01	01	08		
5	Phân trường Long Thọ	10	0	01	09		
6	Phân trường Bàu Cạn	06	01	01	04		
Tổng số		41					

(3) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú

- Vị trí pháp lý: là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

- Chức năng, nhiệm vụ: Ban Quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp gắn với ổn định dân cư trong lâm phận; phát triển rừng, sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy hoạch; khai thác và tiêu thụ lâm sản; tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ nông - lâm - ngư nghiệp, du lịch sinh thái, giống cây trồng, khuyến nông, khuyến lâm trong phạm vi quản lý được giao theo quy định của pháp luật.

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú

- Trụ sở làm việc: Xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HD khác	
1	Ban Giám đốc	2	1	1			
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	5			5		
3	Phòng Lâm nghiệp	10	1	1	8		
4	Phòng Kế hoạch Tài chính	6	1		5		
5	Phân trường 1	8		1	7		
6	Phân trường 2	10	1	1	8		
7	Phân trường 3	8		1	7		
8	Phân trường 4	7			7		
9	Phân trường 5	9	1		8		
10	Phân trường 6	9			9		
11	Phân trường 7	8		1	7		
12	Đội Bảo vệ rừng Cơ động	8			8		
Tổng số		90	5	6	79		

(4) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai; được Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện các hoạt động không tự chủ (*quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, khoán bảo vệ rừng, các hoạt động khác*) và sử dụng các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp để chi cho các hoạt động thường xuyên của Ban Quản lý.

Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

- Chức năng, nhiệm vụ: Ban Quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp gắn với ổn định dân cư trong lâm phận theo quy hoạch; phát triển rừng, sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy hoạch; khai thác, chế biến và thương mại lâm sản; tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ nông – lâm – ngư nghiệp, du lịch sinh thái, giống cây trồng, khuyến nông, khuyến lâm trong phạm vi quản lý được giao theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: xã Xuân Hoà, tỉnh Đồng Nai

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HD khác
1	Ban Giám đốc	3	1	2		
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	12	0	2	5	5
3	Phòng Lâm nghiệp	7	1	1	5	0
4	Phân trường Gia Huynh	5	1	0	2	2
5	Phân trường Trần Táo	7	1	1	2	3
6	Phân trường Núi Le	7	1	1	2	3
7	Phân trường Gia Phú	6	1	1		4
8	Phân trường Đầm Voi	7	1	0	4	2
9	Phân trường Lán Cát	6	1	1	1	3
Tổng số		60	8	9	21	22

(5) Chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước về trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới)

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Nai.

Ban Quản lý rừng có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng, nhiệm vụ: Ban Quản lý rừng có chức năng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: Xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HD khác	
1	Ban Giám đốc	3	1	2			
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	7		2	5		
3	Phòng Kỹ thuật Quản lý bảo vệ rừng	12		2	10		
	Tổng số	22	1	6	15		

(6) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng, nhiệm vụ: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng có chức năng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: Xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HĐ khác	
1	Ban Giám đốc	03	01	02	03		
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	07			05	02	01 HĐ trong biên chế; 01 HĐ khác
3	Phòng Kỹ thuật - QLVR	07			04	03	01 HĐ trong biên chế, 02 HĐ khác
4	Chốt QLVR Sơn Tân	06			05	01	01 HĐ trong biên chế
5	Chốt QLVR Bù Chóp	08			04	04	01 HĐ NĐ 111, 03 HĐ khác
6	Chốt QLVR Đồng Nai	04			03	01	01 HĐ khác
7	Chốt QLVR Thống Nhất	03			02	01	01 HĐ khác
8	Chốt QLVR Đồng Xoài	04				04	01 HĐ khác
9	Chốt QLVR Suối Nhung	04				04	01 HĐ khác
10	Chốt QLVR 327	04				04	01 HĐ khác
11	Chốt QLVR Lam Sơn	04				04	01 HĐ khác
12	Nài Voi	02				02	02 HĐ NĐ 111
Tổng số		56	01	02	23	30	

(7) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Ban quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai có chức năng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: Xã Đắc O, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HĐ khác	
1	Ban Giám đốc	3	1	2	0	0	
2	Phòng Hành chính – Tổng hợp	6			2	4	
3	Phòng Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng	7			3	4	
4	Chốt bảo vệ rừng Núi Bà Rá	5			1	4	
5	Chốt bảo vệ rừng Cần Đơn	7			2	5	
6	Chốt bảo vệ rừng 42	8			3	5	
7	Chốt bảo vệ rừng Đồi Trâm	3				3	
8	Chốt bảo vệ rừng Đắc Ké	5			2	3	
9	Chốt bảo vệ rừng Ba Cô	3				3	
Tổng số		47	1	1	13	31	

(8) Thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển giao nguyên trạng Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp

- Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp có chức năng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc: Xã Hưng Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Số lượng người làm việc	Nhân sự hiện có				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111/HĐ Biên chế	
1	Ban Giám đốc	2	1	1	2		
2	Bộ phận Hành chính – Tổng hợp	4			1	3	01 Viên chức đang biệt phái sang Văn phòng điều phối Nông thôn mới
3	Bộ phận Nghiệp vụ	2			2		
4	Chốt Quản lý bảo vệ rừng đường Tuần tra	3			1	2	
5	Chốt Quản lý bảo vệ rừng đường Sông	3			2	1	
6	Chốt Quản lý bảo vệ rừng Đường 10	2			1	1	
Tổng số		16	1	1	9	7	

(Số lượng người làm việc bên trên chưa bao gồm 10 nhân viên bảo vệ rừng chuyên trách, có thời hạn hợp đồng làm việc 01 năm kể từ ngày 02/01/2025-31/12/2025. Thực hiện theo công văn số: 4221/SNN-VP/SNN-VP ngày 31/12/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước).

(9) Thành lập Quỹ Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Quỹ Nông nghiệp và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Quỹ Môi trường - Phòng chống thiên tai và Bảo vệ Phát triển rừng - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Quỹ Nông nghiệp và Môi trường

- Vị trí pháp lý: Quỹ Nông nghiệp và Môi trường là tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên (nhóm 2) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Chức năng, nhiệm vụ: Hoạt động của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và Phát triển

rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, các Nghị định liên quan của Chính phủ và quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn, tự bù đắp chi phí quản lý từ các nguồn thu hợp pháp, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Trụ sở làm việc: Trụ sở làm việc: Cơ sở 2 - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, số 236 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự sau sắp xếp				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111	
1	Ban Giám đốc	6	1	5	0	0	
2	Phòng Hành chính tổng hợp	15	1	1	5	8	04 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ và 04 hợp đồng chuyên môn
3	Phòng Nghiệp vụ	14	1	1	5	7	
4	Phòng Tài chính - Tín dụng	10	1	0	7	2	
	Tổng cộng	45	4	7	17	17	

(10) Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước và sắp xếp lại các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện trực thuộc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai

* Cơ cấu tổ chức: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh có 05 phòng, 01 trại và 18 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh, cụ thể:

- Thành lập phòng Hành chính trên cơ sở hợp nhất phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai và phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước. Số người làm việc hiện có sau sắp xếp gồm 23 người, trong đó có: 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 13 viên chức, 07 Hợp đồng NE 111 (có 06 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP trong đó có 01 lãnh đạo phòng).

- Thành lập phòng Khuyến nông trên cơ sở hợp nhất phòng Khuyến nông thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai và phòng Kỹ thuật cây trồng, vật nuôi thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước. Số người làm việc

hiện có sau sắp xếp gồm 14 người, trong đó có: 01 Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng, 10 viên chức (có 05 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP trong đó có 01 lãnh đạo phòng).

- Tổ chức lại phòng Kinh doanh và Dịch vụ thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai thành phòng Dịch vụ. Số người làm việc hiện có sau sắp xếp gồm 14 người, trong đó có: 01 Phó Trưởng phòng, 13 viên chức (có 03 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP).

- Thành lập phòng Nước sạch nông thôn trên cơ sở hợp nhất phòng Kỹ thuật Cấp nước Nông thôn và Trạm Cấp nước Khu vực thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai. Số người làm việc hiện có sau sắp xếp gồm 09 người, trong đó có: 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 07 viên chức (có 03 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP trong đó có 01 lãnh đạo phòng).

- Tổ chức lại phòng Lâm nghiệp thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai. Số người làm việc hiện có sau sắp xếp gồm 08 người, trong đó có: 01 Trưởng phòng, 07 viên chức (có 01 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP).

- Tổ chức lại Trại Giồng cây trồng và vật nuôi thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Bình Phước thành Trại Giồng cây trồng và vật nuôi thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai. Số người làm việc hiện có sau sắp xếp gồm 12 người, trong đó có: 01 Trưởng trại, 01 Phó Trưởng trại, 10 viên chức (có 03 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP trong đó có 01 lãnh đạo trại).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Thành lập 18 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại 10 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện thuộc tỉnh Đồng Nai và 11 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện thuộc tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 1 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Vĩnh Cửu. Số người làm việc gồm 31 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 16 viên chức, 12 Hợp đồng lao động (có 06 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP trong đó có 03 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Phường Trảng Dài, Phường Tân Triều, Xã Trị An, Xã Tân An, Xã Phú Lý.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 2 trên cơ sở tiếp nhận và hợp nhất Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Trảng Bom và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Thống Nhất. Số người làm việc gồm 32 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 15 viên chức, 12 Hợp đồng lao động (có 06 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã An Viễn, Xã Bình Minh, Xã Trảng Bom, Xã Bàu Hàm, Xã Hưng Thịnh, Xã Dầu Giây, Xã Gia Kiệm, Xã Thống Nhất, Xã Xuân Quế.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 3 trên cơ sở tiếp nhận và hợp nhất Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Long Khánh và một phần Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Cẩm Mỹ. Số người làm việc gồm 39 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 13 viên chức, 17 Hợp đồng NĐ 111, 05 Hợp đồng lao động (có 05 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 02 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Phường Bảo Vinh, Phường Bàu Sen, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn, Xã Bình Lộc, Xã Thừa Đức, Xã Cẩm Mỹ, Xã Xuân Định.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 4 trên cơ sở tiếp nhận và hợp nhất Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Xuân Lộc và một phần Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Cẩm Mỹ. Số người làm việc gồm 26 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 08 viên chức, 08 Hợp đồng NĐ 111, 06 Hợp đồng lao động (có 07 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông, Xã Xuân Phú, Xã Xuân Lộc, Xã Xuân Hòa, Xã Xuân Thành, Xã Xuân Bắc.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 5 trên cơ sở tiếp nhận và sáp nhập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Long Thành và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Nhơn Trạch. Số người làm việc gồm 18 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 12 viên chức, 13 Hợp đồng NĐ 111, 03 Hợp đồng lao động (có 04 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 02 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Đại Phước, Xã Nhơn Trạch, Xã Phước An, Xã Phước Thái, Xã Long Phước, Xã Bình An, Xã Long Thành, Xã An Phước.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 6 trên cơ sở tiếp nhận Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Định Quán. Số người làm việc gồm 26 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 08 viên chức, 13 Hợp đồng NĐ 111, 03 Hợp đồng lao động (có 01 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP là lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã La Ngà, Xã Định Quán, Xã Thanh Sơn, Xã Phú Vinh, Xã Phú Hòa.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 7 trên cơ sở tiếp nhận Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Tân Phú. Số người làm việc gồm 36 người, trong đó có: 01 Giám đốc (đang khuyết) 02 Phó Giám đốc, 07 viên chức, 18 Hợp đồng ND 111, 09 Hợp đồng lao động.

. Địa bàn quản lý: Xã Tà Lài, Xã Nam Cát Tiên, Xã Tân Phú, Xã Phú Lâm, Xã Đak Lua.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: Xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 8 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Đồng Xoài.

Phương án nhân sự: Chuyển 02 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 12 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 04 viên chức, 04 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 01 Hợp đồng lao động (có 02 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Phường Đồng Xoài, Phường Bình Phước.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 9 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Đồng Phú.

Phương án nhân sự: Chuyển 04 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 22 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 08 viên chức, 11 Hợp đồng lao động (có 05 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Thuận Lợi, Xã Đồng Tâm, Xã Tân Lợi, Xã Đồng Phú.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 10 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Riềng.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số lượng người làm việc sau sắp xếp gồm 18 người, trong

đó có 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 03 viên chức, 01 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 12 Hợp đồng lao động (có 02 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Bình Tân, Xã Long Hà, Xã Phú Riềng, Xã Phú Trung.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 11 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Chơn Thành.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc và 02 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 09 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 04 viên chức, 03 Hợp đồng lao động (có 01 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP).

. Địa bàn quản lý: Phường Minh Hưng, Phường Chơn Thành, Xã Nha Bích.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 12 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Hớn Quản.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Giám đốc và 01 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 19 người, trong đó có: 05 viên chức, 14 Hợp đồng lao động.

. Địa bàn quản lý: Xã Tân Quan, Xã Tân Hưng, Xã Tân Khai, Xã Minh Đức.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 13 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Bình Long.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc và 02 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 23 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 05 viên chức, 03 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 13 Hợp đồng lao động (có 01 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP).

. Địa bàn quản lý: Phường Bình Long, Phường An Lộc.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 14 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Lộc Ninh.

Phương án nhân sự: Chuyển 02 Phó Giám đốc và 02 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 44 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 06 viên chức, 37 Hợp đồng lao động (có 05 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Lộc Thành, Xã Lộc Ninh, Xã Lộc Hưng, Xã Lộc Tân, Xã Lộc Thạnh, Xã Lộc Quang.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 15 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bù Đốp.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc và 02 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 26 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 04 viên chức, 02 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 17 Hợp đồng lao động (có 02 người đăng ký nghỉ theo chế độ Nghị định 178/CP, trong đó có 01 lãnh đạo Trung tâm).

. Địa bàn quản lý: Xã Tân Tiến, Xã Thiện Hưng, Xã Hưng Phước.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 16 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bù Gia Mập.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc và 01 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 28 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 07 viên chức, 02 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 17 Hợp đồng lao động.

. Địa bàn quản lý: Xã Bù Gia Mập, Xã Đăk Ô, Xã Phú Nghĩa, Xã Đa Kia.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 17 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Phước Long.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 Phó Giám đốc về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 23 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 05 viên chức, 16 Hợp đồng lao động.

. Địa bàn quản lý: Phường Phước Bình, Phường Phước Long.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai.

+ Thành lập Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 18 trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bù Đăng.

Phương án nhân sự: Chuyển 01 viên chức về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai mới. Số người làm việc sau sắp xếp gồm 45 người, trong đó có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 07 viên chức, 01 Hợp đồng lao động theo Nghị định 111, 34 Hợp đồng lao động.

. Địa bàn quản lý: Xã Phước Sơn, Xã Nghĩa Trung, Xã Bù Đăng, Xã Thọ Sơn, Xã Đắk Nhau, Xã Bom Bo.

. Quản lý các Công trình Cấp nước tập trung, Công trình Thủy lợi trên địa bàn (nếu có).

. Trụ sở làm việc: tại xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí pháp lý: Các Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng.

Bảng thống kê cơ cấu tổ chức, biên chế/số lượng người làm việc của đơn vị

Stt	Tổ chức	Tổng số người làm việc (1) + (2) + (3) + (4) + (5)	Tổng số viên chức (1) + (2) + (3)	Nhân sự hiện có sau sắp xếp				
				Cấp trưởng (1)	Cấp phó (2)	Viên chức (3)	HĐ 111 (4)	HĐLĐ (5)
1	Ban Giám đốc	3	3	1	2	0		
2	Phòng Hành chính	23	16	1	2	13	7	
3	Phòng Khuyến nông	14	14	1	3	10		
4	Phòng Dịch vụ	14	14	0	1	13		
5	Phòng Nước sạch nông thôn	9	9	1	1	7		
6	Phòng Lâm nghiệp	8	8	1	0	7		
7	Trại giống cây trồng và vật nuôi	12	12	1	1	10		
8	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 1	31	19	1	2	16		12
9	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 2	32	20	1	4	15	0	12
10	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 3	39	17	1	3	13	17	5

Stt	Tổ chức	Tổng số người làm việc (1) + (2) + (3) + (4) + (5)	Tổng số viên chức (1) + (2) + (3)	Nhân sự hiện có sau sắp xếp				
				Cấp trưởng (1)	Cấp phó (2)	Viên chức (3)	HĐ 111 (4)	HĐLĐ (5)
11	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 4	26	12	1	3	8	8	6
12	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 5	18	17	1	4	12	0	1
13	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 6	26	10	1	1	8	13	3
14	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 7	36	9		2	7	18	9
15	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 8	12	7	1	2	4	4	1
16	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 9	22	11	1	2	8		11
17	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 10	18	5	1	1	3	1	12
18	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 11	9	6	1	1	4		3
19	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 12	19	5			5		14
20	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 13	23	7	1	1	5	3	13
21	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 14	44	7	1		6		37
22	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 15	26	7	1	2	4	2	17
23	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 16	28	9	1	1	7	2	17

Stt	Tổ chức	Tổng số người làm việc (1) + (2) + (3) + (4) + (5)	Tổng số viên chức (1) + (2) + (3)	Nhân sự hiện có sau sắp xếp				
				Cấp trưởng (1)	Cấp phó (2)	Viên chức (3)	HD 111 (4)	HDLĐ (5)
24	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 17	23	7	1	1	5		16
25	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Khu vực 18	45	10	1	2	7	1	34
	Tổng số	560	261	22	42	197	76	223

(11) Thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí pháp lý: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2), trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai có chức năng thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường khi được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ, đặt hàng; thực hiện các hoạt động tư vấn, sản xuất và cung ứng dịch vụ về: đo đạc và bản đồ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai; đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu và hồ sơ địa chính; các lĩnh vực về môi trường, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản; tuyên truyền pháp luật và truyền thông về nông nghiệp, môi trường; tư vấn xác định giá đất; lập hồ sơ nhà đất; quan trắc và phân tích các thành phần môi trường; hiệu chuẩn, bảo trì thiết bị quan trắc; quản trị, xây dựng, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Trụ sở:

+ Trụ sở chính tọa lạc tại: Cơ sở 2 - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, số 236 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

+ Trụ sở Chi nhánh khu vực Bình Phước: phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Trụ sở Chi nhánh khu vực Long Khánh: số 36 Nguyễn Bình Khiêm, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

+ Trụ sở Chi nhánh khu vực Nhơn Trạch: đường Nguyễn Kim Quy, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Tổ chức	Tổng cộng	Nhân sự sau sắp xếp			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c=d+e+g</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>g</i>	<i>h</i>
1	Ban lãnh đạo	05	01	04	0	0
2	Phòng Hành chính Tổng hợp	21	01	01	19	19
3	Phòng Phân tích Thử nghiệm	18	01	01	16	04
4	Phòng Quan trắc Môi trường	21	01	01	19	03
5	Phòng Kỹ thuật	10	01	01	08	0
6	Phòng Đo đạc và dịch vụ đất đai	22	01	02	19	03
7	Phòng Tư vấn Môi trường và Truyền thông	27	01	02	24	01
8	Phòng Quy hoạch - Giá đất	18	01	02	15	08
9	Phòng Hiệu chuẩn Kiểm định	10	0	0	10	03
10	Chi nhánh khu vực Bình Phước	2	0	01	01	21
11	Chi nhánh khu vực Long Khánh	13	01	01	11	03
12	Chi nhánh khu vực Nhơn Trạch	19	01	01	17	02
Tổng số		186	10	17	159	67

(13) Thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước

- Vị trí pháp lý: Văn phòng Đăng ký đất đai là tổ chức đăng ký đất đai, là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) theo cơ chế tự chủ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Chức năng, nhiệm vụ: Văn phòng Đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận), đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, xây dựng, sử dụng, cập nhật, chỉnh lý và khai thác hệ thống thông tin đất đai, cung cấp

dịch vụ công về đất đai, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước khác về đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Trụ sở:

+ Trụ sở chính Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai mới đặt tại số 02A, đường Phạm Văn Khoai, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

+ Cở sở 2 của Văn phòng Đăng ký đất đai đặt tại số 735 QL14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ cấu tổ chức:

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc dự kiến sau sáp nhập						Ghi chú
		Tổng số	Viên chức	HĐLĐ chuyên môn	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ	Cấp trưởng	Cấp phó	
1	Ban Giám đốc	6	0			1	5	
2	Phòng Hành chính Tổng hợp	49	19	15	11	1	3	
3	Phòng Thông tin Lưu trữ	41	21	16		1	3	
4	Phòng Kỹ thuật địa chính	22	10	9		1	2	
5	Phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận	66	40	22		1	3	
6	Đội Đo đạc	29	18	7		1	3	
7	Chi nhánh Biên Hoà	112	92	15	2	1	2	
8	Chi nhánh Long Thành	62	51	6	3		2	
9	Chi nhánh Nhơn Trạch	64	53	7	2	1	1	
10	Chi nhánh Vĩnh Cửu	43	32	9	0	1	1	
11	Chi nhánh Trảng Bom	70	51	13	3	1	2	
12	Chi nhánh Thống Nhất	45	32	9	1	1	2	
13	Chi nhánh Long Khánh	55	43	7	2	1	2	
14	Chi nhánh Cẩm Mỹ	50	37	9	2	1	1	
15	Chi nhánh Xuân Lộc	65	52	10	0	1	2	
16	Chi nhánh Định Quán	36	22	11	0	1	2	
17	Chi nhánh Tân Phú	36	26	7	2	1		
18	Chi nhánh Đồng Xoài	50	2	42	3	1	2	
19	Chi nhánh Bù Gia Mập	31	1	25	2	0	3	
20	Chi nhánh Bình Long	27	4	20	0	1	2	
21	Chi nhánh Bù Đăng	37	4	27	3	1	2	
22	Chi nhánh Bù Đốp	24	2	19		1	2	
23	Chi nhánh Hớn Quản	39	2	30	4	1	2	
24	Chi nhánh Chơn Thành	56	5	45	3	1	2	
25	Chi nhánh Lộc Ninh	47	1	41	2	1	2	
26	Chi nhánh Đồng Phú	58	1	51	3	1	2	
27	Chi nhánh Phước Long	24	2	19	0	1	2	
28	Chi nhánh Phú Riềng	37	2	32	0	1	2	
Tổng I		1281	625	523	48	26	59	

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc dự kiến sau sáp nhập						Ghi chú
		Tổng số	Viên chức	HDLĐ chuyên môn	HDLĐ hỗ trợ, phục vụ	Cấp trưởng	Cấp phó	
	Tổng II	1281	704	523	48	1	5	Không bao gồm cấp Trưởng, phó phòng, đội và chi nhánh

(13) Thành lập Trung tâm Kiểm dịch và chẩn đoán, xét nghiệm thú y trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản trên cơ sở hợp nhất Trạm Chẩn đoán, Xét nghiệm, Kiểm dịch và Điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bình Phước và Trạm Xét nghiệm và Vật tư thú y; 11 Trạm Chăn nuôi và thủy sản tại các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí pháp lý: Trạm Xét nghiệm và Vật tư thú y là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai. Trạm Xét nghiệm và Vật tư thú y có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng để hoạt động theo quy định pháp luật.

- Loại hình hoạt động: Trạm Xét nghiệm và Vật tư thú y hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

- Chức năng, nhiệm vụ: Trung tâm Kiểm dịch và Chẩn đoán, xét nghiệm thú y là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản; có chức năng tham mưu Chi cục trưởng thực hiện các nhiệm vụ về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; thu phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ; thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản; cung ứng, bảo quản vật tư, thuốc thú y, hóa chất phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Trụ sở làm việc:

+ Cơ sở 1: Trụ sở chung với Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh Đồng Nai - số 11, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

+ Trụ sở của Trạm Chẩn đoán xét nghiệm tại số 7/126 A, khu phố 4. phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai và 11 Trụ sở là Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực.

- Cơ cấu tổ chức:

Stt	Đơn vị	Tổng cộng	Nhân sự sau sắp xếp				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111	
I	2	3(4+5+6)	4	5	6	7	8
I	Lãnh đạo Trung tâm	03	01	02			
II	Phòng chuyên môn						

1	Phòng Hành chính	09	01	01	7	03	
2	Phòng nghiệp vụ	15	01	02	12		
III	Các Trạm trực thuộc						
1	Trạm Xét nghiệm và vật tư thú y	23	1	2	20		
2	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực I	15	1	3	11		
3	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực II	14	1	2	11		
4	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực III	13	1	3	9		
5	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực IV	18	1	3	14		
6	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực V	17	1	2	14		
7	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực VI	17	1	3	13		
8	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực VII	15	1	1	13		Thành lập từ Trạm Chăn đoán, Xét nghiệm, Kiểm dịch và Điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bình Phước; các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện thuộc Bình Phước
9	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực VIII	10	1	2	7		
10	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực IX	9		3	6		
11	Trạm Chăn nuôi và Thủy sản khu vực X	9		3	6		
Tổng cộng		187	12	32	143	03	

11.3.5. Trụ sở:

- Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt tại số 518 - 520, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ sở 2 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đặt tại số 236, đường Phan Trung, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

11.4. Phương án xử lý về nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai

a) Phương án xử lý nhân sự đối với tổ chức hành chính:

- Đối với Lãnh đạo Sở: Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Đối với **cấp trưởng**, cấp phó các phòng chuyên môn thuộc Sở: Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý nếu sau khi sắp xếp, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

Trường hợp có đơn xin nghỉ thôi việc/tinh giản biên chế, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ xem xét, thực hiện việc giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng, nghỉ hưu trước tuổi, tinh giản biên chế theo quy định.

b) Về dự kiến giải quyết chế độ, chính sách: Đối với những trường hợp dôi dư hoặc có đơn xem xét thôi việc/tinh giản biên chế trong quá trình sắp xếp, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo xem xét, thực hiện việc giải quyết chế độ tinh giản biên chế theo quy định, dự kiến số lượng xin thôi việc theo nguyện vọng, nghỉ hưu trước tuổi gồm: 130 trường hợp (62 công chức, 57 viên chức và 111 hợp đồng theo Nghị định 111).

Việc thực hiện cơ cấu lại, rà soát lại đội ngũ công chức sẽ được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát kỹ tình hình nhân sự tại Sở (đảm bảo chế độ chính sách cho công chức, viên chức, tránh hiện tượng gây tâm tư đối với công chức, viên chức).

c) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, đất đai

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai:

* Phương án xử lý về tài chính

1. Khắc phục kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước

- Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước: **2.289.669.661 đồng**.

- Phương án xử lý:

+ Chi cục Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản đã tổ chức họp toàn thể cán bộ chủ chốt, Đại hội công chức, viên chức, người lao động năm 2024, thông qua việc thu hồi tiền tăng thu nhập năm 2022, 2023; ngày 16/01/2025, Chi cục đã ban hành Văn bản số 84/TB-CCCNTY về việc thu hồi tiền tăng thu nhập năm 2022 và 2023, theo đó khấu trừ 30% lương hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2025.

+ Sau khi sắp xếp bộ máy, đi vào hoạt động ổn định, Chi cục tiếp tục khấu trừ lương của công chức, viên chức, người lao động để hoàn trả ngân sách theo quy định; dự kiến thời gian thực hiện khoảng 12 tháng.

2. Chi trả tạm ứng kinh phí hoạt động trong khi chờ sắp xếp, tổ chức bộ máy của Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản

- Số kinh phí đã tạm ứng để chi trả lương và hoạt động: **7.640.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng) theo Văn bản số 4559/UBND-

KTNS ngày 22/04/2025 của UBND tỉnh.

- Phương án xử lý: Đã có văn bản gửi Sở Tài chính về việc xử lý khoản trả tạm ứng, **từ Nguồn** thu phí được để lại tính từ 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; và **từ Nguồn** sản xuất kinh doanh, dịch vụ **của Trạm Xét nghiệm và Vật tư thú y (hiện nay)**.

3. Chênh lệch thu - chi năm 2024

Theo kết quả thực hiện tự chủ tài chính năm 2024, thông báo quyết toán năm 2024, chênh lệch thu - chi của đơn vị là **âm 1.324.492.056 đồng**. Nguyên nhân do: Ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; theo mức lương cơ sở tăng từ **1.800.000 đồng/tháng** lên **2.340.000 đồng/tháng**, nên kinh phí chi trả lương năm 2024 tăng so với kế hoạch đầu năm, cụ thể:

- Kinh phí chi lương và các khoản đóng góp năm 2023 (theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng): **15.636.579.517 đồng**;

- Kinh phí chi lương và các khoản đóng góp năm 2024 (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng): **21.351.983.037 đồng**.

Như vậy, thực hiện chính sách tăng lương theo quy định tại Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 30/6/2024, năm 2024 phát sinh thêm chi phí tăng lương cơ sở là: **5.715.403.520 đồng**, nên nguồn thu phí, lệ phí, dịch vụ được giữ lại sử dụng không đảm bảo, dẫn đến chênh lệch thu - chi năm 2024 **âm 1.324.492.056 đồng**.

- Phương án xử lý: Trung tâm Kiểm dịch và Chẩn đoán, Xét nghiệm thú y (đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới theo Đề án) sẽ tiếp tục công nợ và nghĩa vụ tài chính từ Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản (**âm 1.324.492.056 đồng**).

* Phương án xử lý về tài sản, đất đai

+ Tiếp tục giữ lại sử dụng: 93 cơ sở.

+ Dôi dư đề xuất xử lý (thu hồi, điều chuyển): 08 cơ sở (01 cơ sở của Văn phòng, 03 cơ sở của Chi cục Kiểm lâm và 04 cơ sở của Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước

+ Tiếp tục giữ lại sử dụng: 47 cơ sở.

+ Dôi dư đề xuất xử lý (thu hồi, điều chuyển): 05 cơ sở (02 cơ sở của Văn phòng, 02 cơ sở của Chi cục Kiểm lâm, 01 cơ sở của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

11.5. Tổ chức đảng, đoàn thể: Thành lập đảng bộ (chi bộ) và đoàn thể cơ quan trên cơ sở hợp nhất đảng bộ (chi bộ), đoàn thể 02 cơ quan hiện nay theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

12.1. Thành lập Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và Sở Y tế tỉnh Bình Phước

12.1. Hiện trạng tổ chức, biên chế, nhân sự

a) Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

- Quá trình hình thành đơn vị

Từ ngày 06/12/1982, thực hiện quy định đổi tên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ty Y tế được đổi tên thành Sở Y tế Đồng Nai theo Quyết định số 2072/QĐ.UBT ngày 06/12/1982 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc đổi tên các Ty thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thành các Sở.

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Sở Y tế tỉnh Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội (trừ lĩnh vực giảm nghèo); bảo vệ chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (trừ cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy) và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định.

Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, đảm bảo các điều kiện tài chính, tài sản để hoạt động.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với tổ chức hành chính:

Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 04 Phó Giám đốc) và 07 phòng, với số biên chế được giao năm 2025 là 96 biên chế, biên chế hiện có là 83 biên chế và 09 hợp đồng lao động, cụ thể:

Stt	Tổ chức	Tổng người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HD 111
1	Ban Giám đốc	5	1	4		
2	Văn phòng Sở	11	1	2	8	9
3	Thanh tra	6	1	1	4	
4	Phòng Nghiệp vụ	12		2	10	
5	Phòng Kế hoạch Tài chính	12		2	10	
6	Phòng Chính sách xã hội	15	1	3	11	
7	Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm	12	1	1	10	
8	Phòng Dân số	10		1	9	

Stt	Tổ chức	Tổng người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HD 111
Tổng số		83	5	16	62	9

- Trụ sở, tài chính, tài sản:

+ Sở Y tế đang quản lý và sử dụng 03 trụ sở làm việc, được bố trí cho Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Sở Y tế, gồm:

+ Địa chỉ trụ sở 1: Số 02, đường Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Địa chỉ trụ sở 2: Số 161, Cách Mạng Tháng Tám, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Địa chỉ trụ sở 3: Số 59, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Tài chính, tài sản:

. Trang thiết bị làm việc, tài sản: Được đầu tư đáp ứng yêu cầu các hoạt động của Sở.

. Kinh phí hoạt động năm 2025 thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính giao, trên cơ sở đó Sở Y tế ban hành quyết định giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc.

Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Tổ chức	Tổng biên chế/ người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ viên chức	HĐ 111
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	1.293	1	3	1.289	391
2	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	994	0	2	992	324
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	793	1	2	790	170
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán	375	1	1	373	15
5	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	652	1	1	650	95
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành	337	1	1	335	41
7	Bệnh viện Da liễu	74	1	2	71	10
8	Bệnh viện Phổi	118	1	1	116	29
9	Bệnh viện Y dược cổ truyền	130	1	1	128	7
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	278	1	1	276	20
11	Trung tâm Kiểm nghiệm	31	0	1	30	1
12	Trung tâm Giám định y khoa	17	1	1	15	2
13	Trung tâm Pháp y	18	1	1	16	1
14	Trung tâm Y tế TP.Biên Hòa	403	1	1	401	8
15	Trung tâm Y tế TP.Long Khánh	158	1	0	157	2

STT	Tổ chức	Tổng biên chế/ người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HD 111
16	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom	360	1	2	357	28
17	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất	277	1	1	275	11
18	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú	339	1	1	337	9
19	Trung tâm Y tế huyện Định Quán	202	1	2	199	6
20	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu	344	1	1	342	28
21	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	361	1	1	359	13
22	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch	293	1	1	291	13
23	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc	419	1	1	417	26
24	Trung tâm Y tế huyện Long Thành	177	1	1	175	5
25	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em	86	1	2	83	16
Tổng		8.529	23	32	8.474	1.271

b) Sở Y tế tỉnh Bình Phước

- **Quá trình hình thành đơn vị:** Sở Y tế tỉnh Bình Phước được thành lập theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thành lập các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Vị trí và chức năng: Sở Y tế tỉnh Bình Phước là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy) và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nhiệm vụ quyền hạn: Sở Y tế tỉnh Bình Phước được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước và Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước sau khi tiếp nhận nhiệm vụ bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sang Sở Y tế quản lý.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với tổ chức hành chính:

Gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc) và 06 phòng, với số biên chế hiện có là 55 biên chế và 09 hợp đồng lao động, cụ thể:

STT	Tổ chức	Tổng biên chế/ người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HD 111
1	Ban Giám đốc	4	1	3		
2	Văn phòng Sở	8		2	6	6
3	Phòng Nghiệp vụ	7	1		6	
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	10	1	1	8	
5	Phòng Quản lý lĩnh vực xã hội	7	1	2	4	
6	Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm	6	1	1	4	
7	Chi cục Dân số	13	1	1	11	3
Tổng số		55	6	10	39	9

- Trụ sở, tài chính, tài sản:

+ Trụ sở: Đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Tài chính, tài sản:

. Tài sản, trang thiết bị được đầu tư đáp ứng yêu cầu các hoạt động của Sở.

. Kinh phí hoạt động năm 2025 thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính giao, trên cơ sở đó Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

Gồm Ban Giám đốc (12 Giám đốc và 29 Phó Giám đốc) và 2.765 biên chế và 355 hợp đồng lao động, cụ thể:

STT	Tổ chức	Tổng biên chế/ người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước	601	1	2	598	45
2	Bệnh viện Y học cổ truyền	74	1	2	71	37
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	169	1	1	167	9
4	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm, mỹ phẩm	22		1	21	2
5	Trung tâm Pháp y (có chức năng GDYK)	21	1		20	4
6	Trung tâm Bảo trợ xã hội	19	1	1	17	10
7	TTYT huyện Phú Riềng	92	1	2	89	10
8	TTYT thị xã Bình Long	220	1	3	216	68
9	TTYT thị xã Phước Long	212	1	2	209	13
10	TTYT huyện Bù Đốp	152		2	150	21

STT	Tổ chức	Tổng biên chế/ người làm việc hiện có	Nhân sự hiện có			
			Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐ 111
11	TTYT thị xã Chơn Thành	154		2	152	10
12	TTYT huyện Bù Gia Mập	141	1	1	139	20
13	TTYT thành phố Đồng Xoài	120	1	2	117	6
14	TTYT huyện Bù Đăng	275	1	2	272	16
15	TTYT huyện Hớn Quản	127		2	125	13
16	TTYT huyện Đồng Phú	152	1	2	149	15
17	TTYT huyện Lộc Ninh	255		2	253	56
Tổng số		2.806	12	29	2.765	355

12.2. Phương án sắp xếp: Thành lập Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và Sở Y tế tỉnh Bình Phước và thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

12.3. Cơ quan, tổ chức mới sau sắp xếp

12.3.1. Tên gọi và loại hình:

- Tên gọi: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai
- Loại hình: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

12.3.2. Vị trí pháp lý:

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

12.3.3. Chức năng

Sở Y tế có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

12.3.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và các Phó Giám đốc do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

- Cơ cấu tổ chức bên trong thuộc sở gồm 07 phòng và 39 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, cụ thể:

a) Về tổ chức hành chính

Stt	Tổ chức	Tổng số nhân sự hiện có	Nhân sự hiện có dự kiến khi sắp xếp				Ghi chú
			Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức	HD 111	
1	Ban Giám đốc	9	1	8			
2	Văn phòng Sở	14	1	2	11	18	
3	Phòng Tổ chức cán bộ	11	1	2	8		
4	Phòng Nghiệp vụ	19	1	2	16		
5	Phòng Kế hoạch Tài chính	22	1	3	18		
6	Phòng Chính sách xã hội	21	1	5	15		01 cấp phó nghỉ hưu tháng 7/2025, 04 trường hợp (01 cấp phó và 03 chuyên viên đã trình giải quyết theo ND 178/2024/ND-CP; Nghị định 67/2025/ND-CP ngày 15/3/2025
7	Phòng An toàn thực phẩm	18	1	3	14		
8	Phòng Dân số	18	1	2	15		
Tổng số		132	8	27	97	18	

b) Về đơn vị sự nghiệp công lập

(1) Thành lập Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước

- Tên gọi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác động của các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; quản lý sức khỏe cộng đồng; khám phát hiện, điều trị dự phòng và các dịch vụ y tế khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn theo quy định của pháp luật.

- Cơ chế tài chính: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai (mới) thực hiện cơ chế tài chính là đơn vị tự chủ một phần kinh phí hoạt động (trong đó năm 2025 ngân sách tiếp tục bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước).

- Hạng đơn vị: Hạng I.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự:

Stt	Đơn vị/bộ phận	Nhân sự hiện có			Hợp đồng 111	Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức		
I	Ban Giám đốc	1	3			
II	Phòng chức năng					
1	Phòng Tổ chức Hành chính	1	3	15	29	
2	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	1	1	13		
3	Phòng Tài chính Kế toán		1	29		
III	Khoa/Phòng chuyên môn					
1	Khoa Phòng chống Bệnh truyền nhiễm	1	2	21		
2	Khoa Phòng chống HIV/AIDS	1	1	33		
3	Khoa Phòng chống Bệnh không lây nhiễm	1	1	14		
4	Khoa Dinh dưỡng	1	1	12		
5	Khoa Sức khỏe môi trường-Y tế trường học	1	2	22		
6	Khoa Bệnh nghề nghiệp	1	1	17		
7	Khoa Sức khỏe sinh sản	1		52		
8	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	1	2	26		
9	Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe	1	2	14		
10	Khoa Ký sinh trùng côn trùng		3	12		
11	Khoa Dược-Vật tư y tế		1	26		
12	Khoa Xét nghiệm	1	1	55		
13	Phòng khám đa khoa	1	1	48		
	Tổng cộng	14	26	409	29	

* Dự kiến tiếp nhận 33/67 viên chức tuyển dụng vào tháng 6/2025 cho hoạt động kiểm dịch y tế tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo Đề án số 14295/ĐA-UBND ngày 18/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trụ sở: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai dự kiến bố trí làm việc tại 04 cơ sở:

+ Trụ sở chính (Cơ sở 1): KP 9, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

+ Cơ sở 2: Là cơ sở hiện có của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước (trụ sở chính) tại Quốc Lộ 14, Phường Tiến Thành, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Cơ sở 3: tại địa chỉ 239, Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa hoặc dự kiến xin trụ sở của Sở Y tế tại số 2, Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa (nếu Sở Y tế chuyển trụ sở).

+ Cơ sở 4: dự kiến tại Khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa; đề nghị cấp có thẩm quyền di chuyển Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai hoạt động tại trụ sở khác.

(2) Thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai và Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm tỉnh Bình Phước.

- Tên gọi: Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Y tế hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo về chuyên môn cho các đơn vị, tổ chức làm công tác kiểm soát, kiểm nghiệm thuốc, vật tư y tế, mỹ phẩm, thực phẩm ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bảo quản và phân phối trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra chất lượng các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (thành phẩm, nguyên liệu, ...), giúp Giám đốc Sở Y tế trong việc xác định chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm lưu hành trong phạm vi địa bàn tỉnh.

- Cơ chế tài chính: Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Đồng Nai (mới) thực hiện cơ chế tài chính là đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động.

- Hạng đơn vị: Hạng III.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự:

STT	Tổ chức	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HD 111	
1	Ban Giám đốc	0	2			
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1	2	15	3	
3	Khoa Kiểm nghiệm Thuốc-Mỹ phẩm	1	0	16		
4	Khoa Kiểm nghiệm Thực phẩm	1	1	14		
Tổng số		3	5	45	3	

- Trụ sở:

+ Trụ sở chính (cơ sở 1): Tổ 13 khu phố 3, Phường Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai.

+ Cơ sở 2: Số 878, Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(3) Thành lập Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển chức năng, nhiệm vụ đang thực hiện về Giám định Y khoa thuộc Trung tâm Pháp Y tỉnh Bình Phước vào Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Trung tâm Giám định y khoa.

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Trung tâm Giám định y khoa Đồng Nai là cơ quan thường trực của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Đồng Nai có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế về công tác giám định y khoa của tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám định y khoa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổ chức khám giám định sức khỏe, khám giám định thương tật, giám định tai nạn lao động, khám giám định bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Khám khiếu nại khi có khiếu nại hoặc yêu cầu của các cá nhân sử dụng lao động, người lao động theo phân cấp.

- Cơ chế tài chính: Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Đồng Nai (mới) thực hiện cơ chế tài chính là đơn vị tự chủ một phần kinh phí (trong đó năm 2025 ngân sách tiếp tục bảo đảm toàn bộ cho số viên chức thuộc Trung tâm Pháp y Bình Phước chuyển qua).

- Hạng đơn vị: Hạng II.

- Cơ cấu tổ chức nhân sự:

Stt	Tổ chức	Nhân sự hiện có				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/viên chức	HD 111	
1	Ban Giám đốc	1	1			
2	Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán		1	7	2	
3	Phòng Khám Giám định	1	1	14		
Tổng số		2	3	21	2	

Chuyển 09 viên chức Trung tâm Pháp Y tỉnh Bình Phước về Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Đồng Nai, gồm: Bác sĩ: 04; Y sĩ: 01, Điều Dưỡng: 02; NHS: 01; Kế toán: 01.

- Trụ sở:

+ Trụ sở chính: tại Trung tâm Giám định y khoa Đồng Nai hiện nay (Trụ sở chính: số 64, đường 30/4, phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Trụ sở làm việc hiện tại: tầng 1, khu A, Bệnh viện đa khoa Đồng Nai).

+ Tiếp tục bố trí Cơ sở 2 tại Bình Phước để đảm bảo phục vụ các đối tượng giám định thuộc khu vực Bình Phước hiện nay. Địa chỉ: Số 878, Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(4) Thành lập Trung tâm Pháp Y tỉnh Đồng Nai (mới) trên cơ sở chuyển chức năng, nhiệm vụ đang thực hiện về Giám định Pháp Y thuộc Trung tâm Pháp Y tỉnh Bình Phước vào Trung tâm Pháp Y tỉnh Đồng Nai

- Tên gọi: Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí pháp lý: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng: Thực hiện công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh khi có yêu cầu; Thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và tham gia đào tạo, đào tạo bồi dưỡng trong lĩnh vực pháp y.

- Cơ chế tài chính: Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai (mới) thực hiện cơ chế tài chính là đơn vị tự chủ một phần kinh phí (trong đó năm 2025 ngân sách tiếp tục bảo đảm toàn bộ cho số viên chức thuộc Trung tâm Pháp y Bình Phước chuyển qua).

- Hạng đơn vị: Hạng II.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự

STT	Tổ chức	Nhân sự				Ghi chú
		Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HD 111	
1	Ban Giám đốc	01	02			
2	Phòng Tổ chức hành chính Quản trị		01	05		
3	Khoa Giám định	01	01	19		
Tổng số		02	04	24		

Tổng số biên chế sự nghiệp là 30, trong đó: Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai được giao 20 biên chế, thực hiện 18; tiếp nhận 12 biên chế từ Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước. Hợp đồng lao động Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 02 người, trong đó tiếp nhận 01 HĐLĐ từ Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước.

- Trụ sở:

+ Khu C- Lầu 2 Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai (Số 02 Đồng Khởi – P. Bình Đa – TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai)

+ Cơ sở 2 của Trung tâm Pháp y tại Bình Phước để đảm bảo thuận lợi phục vụ cho việc trưng cầu giám định pháp y của cơ quan cảnh sát điều tra công an các xã, phường và công an tỉnh đóng chân trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ. Địa chỉ bố trí trụ sở: Số 878, Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(5) Chuyển nguyên trạng 09 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (mới), gồm các đơn vị: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành; Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai; Bệnh viện Da liễu tỉnh Đồng Nai; Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai; Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Đồng Nai; cụ thể:

- Chuyển giao nguyên trạng Bệnh viện Phổi Đồng Nai về trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (mới)

+ **Tên gọi:** Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai

+ **Vị trí pháp lý:** Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế Đồng Nai, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Có trụ sở làm việc tại khu phố Tân Mai, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau sắp xếp Phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai).